

**NGHỊ ĐỊNH**

**Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành  
Luật Sở hữu trí tuệ về quyền đối với giống cây trồng**

Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền đối với giống cây trồng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2023, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.<sup>1</sup>

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19 tháng 6 năm 2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16 tháng 6 năm 2022;*

*Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền đối với giống cây trồng.*

<sup>1</sup> Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật có căn cứ ban hành như sau:

*“Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Đầu tư số 143/2025/QH15;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.”*

## **Chương I**

### **QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền đối với giống cây trồng, bao gồm: trình tự, thủ tục xác lập quyền đối với giống cây trồng; quyền đối với giống cây trồng là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước; quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu Bằng bảo hộ và tác giả giống cây trồng; chuyển nhượng, chuyển giao quyền đối với giống cây trồng được bảo hộ; đại diện quyền đối với giống cây trồng.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam.

2. Tổ chức, cá nhân nước ngoài là công dân quốc gia thành viên Hiệp hội quốc tế về bảo hộ giống cây trồng mới (sau đây gọi là UPOV) hoặc nước có thỏa thuận quốc tế với nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về bảo hộ giống cây trồng; cá nhân nước ngoài thường trú tại Việt Nam hoặc có cơ sở sản xuất, kinh doanh giống cây trồng tại Việt Nam; tổ chức nước ngoài có cơ sở sản xuất, kinh doanh giống cây trồng tại Việt Nam; tổ chức, cá nhân thường trú hoặc có cơ sở sản xuất, kinh doanh giống cây trồng trên lãnh thổ của quốc gia thành viên UPOV.

3. Các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến bảo hộ giống cây trồng.

#### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Người đăng ký là tổ chức, cá nhân có quyền đăng ký bảo hộ giống cây trồng theo quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, được sửa đổi tại khoản 66 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2022.

2. Chủ sở hữu Bằng bảo hộ giống cây trồng là tổ chức, cá nhân được cấp Bằng bảo hộ quyền đối với giống cây trồng.

3. Tác giả giống cây trồng là tổ chức, cá nhân trực tiếp chọn tạo hoặc phát hiện và phát triển giống cây trồng mới; trường hợp có hai tổ chức, cá nhân trở lên cùng chọn tạo hoặc phát hiện và phát triển giống cây trồng mới thì các bên là đồng tác giả.

4. Phát hiện và phát triển giống cây trồng mới là hoạt động chọn lọc tìm ra biến dị tự nhiên có sẵn trong quần thể một giống cây trồng hoặc tìm ra nguồn gen mới có sẵn trong tự nhiên, nhân và đánh giá biến dị tự nhiên đó.

5. Khảo nghiệm kỹ thuật (sau đây gọi là Khảo nghiệm DUS) là khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống cây trồng.

6. Tài liệu khảo nghiệm DUS gồm: Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN), Tài liệu hướng dẫn về khảo nghiệm DUS do UPOV hoặc nước thành viên UPOV hoặc

các nước hợp tác với Việt Nam về bảo hộ giống cây trồng công bố hoặc Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>2</sup> ban hành.

#### **Điều 4. Quy định chung về thực hiện thủ tục hành chính trong Nghị định này**

1. Nộp hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử đến Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>3</sup>.

2. Thời gian trả lời tính đầy đủ của thành phần hồ sơ:

a) Trường hợp nộp trực tiếp: Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>4</sup> kiểm tra thành phần hồ sơ và trả lời ngay tính đầy đủ của thành phần hồ sơ cho tổ chức, cá nhân;

b) Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>5</sup> xem xét tính đầy đủ của thành phần hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân;

c) Trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường điện tử: Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được hồ sơ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>6</sup> xem xét tính đầy đủ của thành phần hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân.

3. Hồ sơ nộp qua môi trường điện tử thực hiện theo quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 8 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

---

<sup>2</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>3</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>4</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>5</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>6</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

4. Cách thức trả kết quả: Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>7</sup> trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trực tiếp tại bộ phận một cửa hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử.

### **Điều 5. Danh mục giống cây trồng**

Danh mục giống cây trồng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 160 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 19 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2009 gồm giống cây trồng có trong Danh mục giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh do Bộ Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>8</sup> ban hành; giống cây trồng được công nhận lưu hành, công nhận lưu hành đặc cách, tự công bố lưu hành, công nhận chính thức; Danh mục giống cây trồng lâm nghiệp tại Việt Nam do Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>9</sup> ban hành và danh mục giống cây trồng ở các quốc gia khác.

## **Chương II**

### **TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XÁC LẬP QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG**

#### **Điều 6. Đăng ký bảo hộ giống cây trồng**

1. Đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng gồm các tài liệu:

a) Tờ khai đăng ký bảo hộ giống cây trồng theo quy định tại Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định này. Từng trang phải có chữ ký xác nhận của các bên hoặc dấu giáp lai;

b) Tờ khai kỹ thuật

Trường hợp giống đăng ký thuộc loài cây trồng đã có Tài liệu khảo nghiệm DUS: Sử dụng Mẫu tờ khai kỹ thuật trong Tài liệu khảo nghiệm DUS đó;

Trường hợp giống đăng ký thuộc loài cây trồng chưa có Tài liệu khảo nghiệm DUS hoặc Tài liệu khảo nghiệm DUS chưa có thông tin về tờ khai kỹ thuật: Sử dụng tờ khai kỹ thuật theo quy định tại Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực văn bản ủy quyền đối với trường hợp nộp Đơn đăng ký thông qua Tổ chức dịch vụ đại diện quyền; nội dung của văn bản ủy quyền gồm: bên ủy quyền, bên được ủy quyền, phạm vi được ủy

<sup>7</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>8</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>9</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

quyền, thời hạn ủy quyền;

d) Ảnh chụp thể hiện 03 tính trạng đặc trưng của giống đăng ký: Tối thiểu 03 ảnh màu, kích cỡ tối thiểu 9 cm x 15 cm;

đ) Bản sao có chứng thực Tài liệu chứng minh quyền đăng ký trường hợp người đăng ký được chuyển giao quyền đăng ký hoặc được thừa kế, kế thừa (Hợp đồng chuyển giao quyền đăng ký, văn bản thừa kế, kế thừa hoặc văn bản tương đương khác), Tài liệu chứng minh quốc tịch hoặc có thường trú hoặc cơ sở sản xuất kinh doanh tại một nước thành viên UPOV;

e) Tài liệu chứng minh quyền ưu tiên nếu Đơn đăng ký có yêu cầu hưởng quyền ưu tiên theo quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 gồm: bản sao các tài liệu về Đơn đăng ký đầu tiên được cơ quan bảo hộ giống cây trồng tại quốc gia nộp đơn đầu tiên xác nhận, mẫu hoặc bằng chứng xác nhận giống cây trồng ở hai đơn là một, bản sao có chứng thực hợp đồng chuyển giao, thừa kế, kế thừa quyền ưu tiên (nếu có). Các tài liệu chứng minh quyền ưu tiên này được cung cấp trong vòng 90 ngày kể từ ngày nộp đơn đăng ký bảo hộ.

2. Thẩm định hình thức là kiểm tra tính hợp lệ của Đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng. Đơn đăng ký không hợp lệ về hình thức khi:

a) Thông tin trong các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này bị thiếu hoặc chưa phù hợp theo quy định tại các Điều 159, 163 và 164 Luật Sở hữu trí tuệ, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 65, 66 và 82 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2022;

b) Tài liệu quy định tại các điểm c, đ và e khoản 1 Điều này không được dịch sang tiếng Việt khi Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>10</sup> yêu cầu;

c) Tài liệu trong Đơn đăng ký bị tẩy xóa, rách nát hoặc mờ không đọc được;

d) Thiếu bản sao hợp lệ các tài liệu có liên quan;

đ) Đơn đăng ký do người không có quyền nộp đơn nộp; trường hợp quyền đăng ký thuộc nhiều tổ chức, cá nhân nhưng không có sự đồng ý của tất cả các tổ chức, cá nhân đó.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>11</sup> thẩm định hình thức Đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng.

<sup>10</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>11</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

a) Trường hợp Đơn đăng ký hợp lệ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>12</sup> ban hành Thông báo chấp nhận đơn theo quy định tại Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định này, trả kết quả cho người đăng ký, đăng tải thông báo trên Tạp chí Nông nghiệp và Môi trường<sup>13</sup> và Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>14</sup> trong vòng 90 ngày kể từ ngày ban hành Thông báo.

b) Trường hợp Đơn đăng ký chưa hợp lệ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>15</sup> thông báo và nêu rõ lý do cho người đăng ký hoàn thiện. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo hoàn thiện Đơn, người đăng ký phải khắc phục các thiếu sót và nộp về Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>16</sup>. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung, Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>17</sup> thẩm định và ban hành Thông báo chấp nhận đơn theo điểm a khoản 2 Điều này hoặc từ chối chấp nhận đơn và nêu rõ lý do.

c) Trường hợp Đơn đăng ký không hợp lệ hoặc người đăng ký không khắc phục các thiếu sót trong thời hạn yêu cầu được xác định là không có nhu cầu tiếp tục nộp Đơn, Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>18</sup> ban hành Thông báo từ chối chấp nhận Đơn và nêu rõ lý do.

4. Trường hợp tài liệu quy định tại điểm c, đ và e khoản 1 Điều này phải

---

<sup>12</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>13</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>14</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>15</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>16</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>17</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>18</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

được dịch ra tiếng Việt theo yêu cầu của Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>19</sup> thì bản dịch được chứng thực hoặc có xác nhận của tổ chức dịch vụ đại diện quyền đại diện cho người đăng ký đối với giống cây trồng.

### **Điều 7. Sửa đổi, bổ sung Đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng**

1. Trước khi Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>20</sup> thông báo từ chối cấp Bằng hoặc quyết định cấp Bằng bảo hộ giống cây trồng, tổ chức, cá nhân được sửa đổi, bổ sung Đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng trong các trường hợp sau:

a) Lỗi chính tả về tên, địa chỉ của người đăng ký, tổ chức dịch vụ đại diện quyền, tác giả giống cây trồng hoặc lỗi chính tả về tên giống cây trồng;

b) Thay đổi tên, địa chỉ của người đăng ký, tổ chức dịch vụ đại diện quyền, tác giả giống cây trồng trên cơ sở các giấy tờ pháp lý hợp lệ;

c) Thay đổi tên giống cây trồng theo đề nghị của người đăng ký.

2. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>21</sup>. Hồ sơ gồm:

a) Tờ khai yêu cầu sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao có chứng thực hợp đồng chuyển giao quyền đăng ký trường hợp thay đổi người đăng ký do chuyển giao quyền đăng ký; hoặc tài liệu chứng minh việc thay đổi tên, địa chỉ người đăng ký, tổ chức dịch vụ đại diện quyền, tác giả giống cây trồng;

c) Bản sao có chứng thực Tài liệu chứng minh việc thừa kế, kế thừa có xác nhận của người đăng ký, Tài liệu chứng minh quyền nhân thân giữa người đăng ký và người nhận thừa kế; Giấy chứng tử hoặc trích lục khai tử của người đăng ký (nếu có) trường hợp thay đổi người đăng ký do thừa kế, kế thừa.

### **3. Trình tự thực hiện**

Trong thời hạn 10 ngày làm việc<sup>22</sup> kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, Bộ

<sup>19</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>20</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>21</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>22</sup> Cụm từ “15 ngày” được thay thế bằng cụm từ “10 ngày làm việc” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

Nông nghiệp và Môi trường<sup>23</sup> thẩm định hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>24</sup> ban hành Thông báo chấp nhận sửa đổi, bổ sung đơn theo quy định tại Mẫu số 05 ban hành kèm theo Nghị định này, trả kết quả cho người đăng ký và đăng tải thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>25</sup>.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>26</sup> trả lời bằng văn bản cho người đăng ký và nêu rõ lý do.

### **Điều 8. Khảo nghiệm DUS**

1. Sau khi Đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng được chấp nhận hợp lệ, Khảo nghiệm DUS phải được tiến hành theo Tài liệu khảo nghiệm DUS. Trường hợp giống đăng ký thuộc loài cây trồng chưa có Tài liệu khảo nghiệm DUS, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo chấp nhận đơn hợp lệ được ban hành, Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>27</sup> tổ chức xây dựng Tài liệu hướng dẫn khảo nghiệm DUS trong thời hạn 06 tháng theo quy định tại Mẫu số 06 ban hành kèm theo Nghị định này.

#### **2. Hình thức khảo nghiệm DUS**

a) Khảo nghiệm DUS được thực hiện tại tổ chức khảo nghiệm được Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>28</sup> công nhận theo quy định tại Điều 21 Luật Trồng trọt đối với giống cây trồng nông nghiệp hoặc cơ sở khảo nghiệm giống cây trồng lâm nghiệp theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 27/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp đối

---

<sup>23</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>24</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>25</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>26</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>27</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>28</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

với giống cây lâm nghiệp (sau đây gọi chung là tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng).

b) Khảo nghiệm DUS do người đăng ký tự thực hiện.

c) Sử dụng kết quả khảo nghiệm DUS trên cơ sở thỏa thuận quốc tế về trao đổi kết quả khảo nghiệm DUS với quốc gia thành viên UPOV hoặc quốc gia có hợp tác với Việt Nam về bảo hộ giống cây trồng.

3. Khảo nghiệm DUS theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này

Người đăng ký gửi mẫu giống đến tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng để tiến hành khảo nghiệm DUS trong thời hạn 30 ngày trước thời vụ gieo trồng đầu tiên kể từ ngày ban hành Thông báo chấp nhận Đơn.

Trường hợp không đồng ý với kết quả khảo nghiệm DUS, người đăng ký có quyền yêu cầu tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng đã thực hiện khảo nghiệm DUS trước đó hoặc tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng khác thực hiện khảo nghiệm lại. Yêu cầu khảo nghiệm lại phải được làm bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do và chứng cứ chứng minh cần phải khảo nghiệm lại đồng thời thông báo tới Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>29</sup>.

4. Tổ chức, cá nhân thực hiện khảo nghiệm DUS phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có hoặc hợp đồng thuê địa điểm và diện tích đất phù hợp để bố trí thí nghiệm khảo nghiệm DUS đối với giống đăng ký;

b) Có hoặc hợp đồng thuê trang thiết bị, dụng cụ phục vụ cho việc phân tích, đánh giá các chỉ tiêu theo yêu cầu khảo nghiệm đối với loài cây trồng khảo nghiệm;

c) Có hoặc hợp đồng thuê phòng thử nghiệm đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động và được công nhận hoặc được chỉ định đối với trường hợp khảo nghiệm có bao gồm các chỉ tiêu phân tích;

d) Có hoặc hợp đồng thuê giống đối chứng phù hợp với giống đăng ký khảo nghiệm;

đ) Có hợp đồng lao động với ít nhất 01 cán bộ kỹ thuật có trình độ đại học trở lên một trong các chuyên ngành trồng trọt, bảo vệ thực vật, sinh học hoặc các ngành tương tự và có giấy chứng nhận tập huấn về khảo nghiệm DUS do cơ quan quản lý nhà nước về bảo hộ giống cây trồng cấp.

5. Đối với khảo nghiệm DUS do người đăng ký tự thực hiện, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>30</sup> ban hành Tài liệu hướng

<sup>29</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>30</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-

dẫn khảo nghiệm DUS, tổ chức, cá nhân gửi văn bản kế hoạch khảo nghiệm DUS về các nội dung dự kiến: giống đối chứng, địa điểm và thời gian thực hiện khảo nghiệm. Sau khi gửi văn bản kế hoạch khảo nghiệm DUS, tổ chức, cá nhân được tự thực hiện khảo nghiệm DUS.

**Điều 9. Kiểm tra điều kiện và việc thực hiện khảo nghiệm DUS do người đăng ký tự thực hiện**

1. Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>31</sup> thành lập đoàn kiểm tra gồm công chức được giao nhiệm vụ về bảo hộ giống cây trồng; chuyên gia về khảo nghiệm DUS hoặc chuyên gia về loài cây trồng trong Đơn đăng ký bảo hộ.

2. Nội dung kiểm tra: Điều kiện thực hiện khảo nghiệm; việc thực hiện khảo nghiệm; đánh giá tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định của giống khảo nghiệm theo Tài liệu khảo nghiệm DUS đối với loài cây trồng đăng ký của tổ chức, cá nhân đăng ký.

3. Thời điểm kiểm tra: Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra ít nhất 01 lần và không quá 03 lần trong quá trình tổ chức, cá nhân thực hiện khảo nghiệm.

4. Biên bản kiểm tra được lập theo quy định tại Mẫu số 07 ban hành kèm theo Nghị định này và lưu trong hồ sơ đăng ký bảo hộ giống cây trồng. Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>32</sup> căn cứ biên bản kiểm tra trong quá trình thẩm định nội dung đối với Đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng để thẩm định báo cáo kết quả khảo nghiệm DUS.

**Điều 10. Nộp mẫu giống, quản lý và sử dụng mẫu giống đăng ký bảo hộ**

1. Đối với giống cây trồng được khảo nghiệm theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 8 Nghị định này, người đăng ký nộp mẫu giống phục vụ khảo nghiệm DUS và mẫu lưu cho tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng tối thiểu 30 ngày trước thời vụ gieo trồng đầu tiên kể từ ngày ban hành Thông báo chấp nhận đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng đó.

2. Đối với giống cây trồng nhân giống vô tính, giống cây trồng được thực hiện khảo nghiệm theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 8 Nghị định này, người đăng ký tự lưu mẫu giống.

3. Khối lượng (hoặc số lượng) và chất lượng mẫu giống gửi khảo nghiệm và lưu mẫu theo quy định tại Tài liệu khảo nghiệm DUS đối với loài cây trồng đó.

CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>31</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>32</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

4. Người đăng ký hoặc chủ sở hữu giống cây trồng có trách nhiệm nộp mẫu giống được bảo hộ khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu trong thời gian hưởng quyền tạm thời hoặc Bằng bảo hộ giống cây trồng còn hiệu lực. Mẫu giống phải đảm bảo chất lượng theo quy định tại khoản 3 Điều này, đúng với mẫu giống tại thời điểm nộp đơn đăng ký và mức độ biểu hiện của các tính trạng phù hợp với bản mô tả giống tại thời điểm cấp Bằng bảo hộ trường hợp giống cây trồng đã được cấp Bằng bảo hộ.

5. Người đăng ký hoặc chủ sở hữu giống cây trồng có trách nhiệm lưu giữ mẫu giống trong thời hạn từ khi giống được hưởng quyền tạm thời đến khi chấm dứt hiệu lực của Bằng bảo hộ.

6. Việc sử dụng mẫu giống lưu phải được sự đồng ý bằng văn bản của người đăng ký hoặc chủ sở hữu giống cây trồng trừ trường hợp để thực hiện: Khảo nghiệm DUS, kiểm nghiệm, hậu kiểm nhằm xác định tính đúng giống hoặc giải quyết tranh chấp, kiến nghị, khiếu kiện, khiếu nại, tố cáo.

### **Điều 11. Cấp Bằng bảo hộ giống cây trồng**

1. Trường hợp giống đăng ký bảo hộ được thực hiện khảo nghiệm DUS theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị định này, tổ chức, cá nhân thực hiện khảo nghiệm nộp bản chính Báo cáo kết quả khảo nghiệm DUS theo quy định tại Mẫu số 08 ban hành kèm theo Nghị định này đến Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>33</sup> trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc khảo nghiệm DUS.

Trường hợp sử dụng kết quả khảo nghiệm DUS theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 8 Nghị định này, Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>34</sup> nhận báo cáo khảo nghiệm DUS trực tiếp từ cơ quan bảo hộ giống cây trồng của quốc gia thành viên UPOV hoặc quốc gia hợp tác với Việt Nam về bảo hộ giống cây trồng.

Báo cáo kết quả khảo nghiệm DUS để cấp quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng được sử dụng trong việc cấp Bằng bảo hộ giống cây trồng nếu tính khác biệt của giống đăng ký so với giống cây trồng được biết đến rộng rãi tại thời điểm nộp đơn đăng ký bảo hộ được đảm bảo.

2. Trong thời hạn 60 ngày<sup>35</sup> kể từ ngày nhận được Báo cáo kết quả khảo

---

<sup>33</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>34</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>35</sup> Cụm từ “90 ngày” được thay thế bằng cụm từ “60 ngày” theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

nghiệm DUS, Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>36</sup> tiến hành thẩm định nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 178 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005.

a) Trường hợp giống đăng ký đảm bảo tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định, đồng thời Đơn đăng ký bảo hộ đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 176 và điểm a khoản 1 Điều 178 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>37</sup> ban hành Quyết định cấp Bằng bảo hộ giống cây trồng theo quy định tại Mẫu số 09, Mẫu số 10<sup>38</sup> ban hành kèm theo Nghị định này; trả kết quả cho người đăng ký; công bố trên Tạp chí Nông nghiệp và Môi trường<sup>39</sup> và Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>40</sup> trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ban hành Quyết định.

b) Trường hợp giống đăng ký không đảm bảo tính khác biệt hoặc tính đồng nhất hoặc tính ổn định hoặc đơn đăng ký không đáp ứng một trong các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 176 và điểm a khoản 1 Điều 178 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>41</sup> thông báo bằng văn bản về dự định từ chối cấp Bằng bảo hộ giống cây trồng cho người đăng ký và nêu rõ lý do, ấn định thời hạn 30 ngày để người đăng ký khắc phục thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối dự định từ chối.

Qua thời hạn trên mà người đăng ký không có ý kiến phản đối dự định từ chối một cách xác đáng hoặc không khắc phục được các thiếu sót, Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>42</sup> thông báo từ chối cấp Bằng bảo hộ giống cây trồng.

---

<sup>36</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>37</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>38</sup> Mẫu số 10 được thay thế bằng Mẫu số 31 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>39</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>40</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>41</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>42</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-

Trường hợp người đăng ký khắc phục được các thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối dự định từ chối một cách xác đáng, Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>43</sup> thực hiện cấp Bằng bảo hộ giống cây trồng theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Bằng bảo hộ giống cây trồng chỉ được cấp 01 bản.

### **Điều 12. Sửa đổi, cấp lại Bằng bảo hộ giống cây trồng**

1. Chủ sở hữu Bằng bảo hộ có yêu cầu sửa đổi, cấp lại Bằng bảo hộ giống cây trồng nộp hồ sơ đến Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>44</sup>. Hồ sơ gồm:

a) Tờ khai yêu cầu sửa đổi, cấp lại Bằng bảo hộ giống cây trồng theo quy định tại Mẫu số 11 ban hành kèm theo Nghị định này.

b) Bản sao có chứng thực Tài liệu pháp lý chứng minh việc thay đổi tên, địa chỉ chủ sở hữu Bằng bảo hộ giống cây trồng hoặc sai sót liên quan đến tên, địa chỉ của chủ sở hữu Bằng bảo hộ.

c) Bản chính Bằng bảo hộ giống cây trồng (trừ trường hợp Bằng bị mất).

2. Trong thời hạn 12 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>45</sup> thẩm định hồ sơ.

a) Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>46</sup> ban hành Quyết định sửa đổi, cấp lại Bằng bảo hộ giống cây trồng, cấp lại Bằng cho người đăng ký, đăng tải trên Tạp chí Nông nghiệp và Môi trường<sup>47</sup> và Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>48</sup> trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày

CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>43</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>44</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>45</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>46</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>47</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>48</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

ban hành Quyết định. Bằng bảo hộ giống cây trồng sửa đổi, cấp lại phải được giữ nguyên số Bằng và ghi rõ nội dung “cấp lại” tại góc trái phía dưới của Bằng bảo hộ.

b) Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>49</sup> trả lời bằng văn bản cho chủ sở hữu Bằng bảo hộ và nêu rõ lý do.

### **Điều 13. Đình chỉ, phục hồi, hủy bỏ hiệu lực Bằng bảo hộ giống cây trồng**

#### 1. Đình chỉ hiệu lực Bằng bảo hộ giống cây trồng

a) Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>50</sup> ban hành Quyết định đình chỉ hiệu lực Bằng bảo hộ giống cây trồng khi có căn cứ giống cây trồng được bảo hộ không còn đáp ứng tính đồng nhất hoặc tính ổn định như tại thời điểm cấp Bằng.

b) Trường hợp tổ chức, cá nhân có đề nghị đình chỉ hiệu lực Bằng bảo hộ giống cây trồng theo quy định điểm a khoản 1 Điều 170 Luật Sở hữu trí tuệ, hồ sơ được nộp đến Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>51</sup>. Hồ sơ gồm:

Đơn yêu cầu đình chỉ hiệu lực Bằng bảo hộ giống cây trồng theo quy định tại Mẫu số 12 ban hành kèm theo Nghị định này;

Chứng cứ chứng minh giống cây trồng được bảo hộ không còn đáp ứng tính đồng nhất hoặc tính ổn định như tại thời điểm cấp Bằng.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>52</sup> tiến hành thẩm định, thông báo bằng văn bản cho chủ sở hữu Bằng bảo hộ giống cây trồng đồng thời tổ chức khảo nghiệm đánh giá lại tính đồng nhất, tính ổn định của giống cây trồng trên.

Trong thời hạn 12 ngày kể từ ngày nhận được kết quả đánh giá lại tính đồng nhất, tính ổn định, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiến hành thẩm định. Trường hợp ý kiến phản đối của người thứ ba đủ căn cứ pháp lý, Bộ Nông

<sup>49</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>50</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>51</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>52</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

nghiệp và Môi trường<sup>53</sup> ban hành Quyết định đình chỉ hiệu lực Bằng bảo hộ giống cây trồng. Trường hợp ý kiến phản đối của người thứ ba chưa đủ căn cứ pháp lý, Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>54</sup> trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

c) Trường hợp đình chỉ hiệu lực Bằng bảo hộ giống cây trồng theo điểm c, điểm d khoản 1 Điều 170 Luật Sở hữu trí tuệ.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>55</sup> thông báo bằng văn bản yêu cầu chủ sở hữu Bằng bảo hộ giống cây trồng thay đổi tên giống cây trồng hoặc cung cấp tài liệu, vật liệu nhân giống cần thiết để duy trì và lưu giữ giống cây trồng theo quy định mà chủ sở hữu Bằng bảo hộ không thực hiện theo yêu cầu, Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>56</sup> ban hành Quyết định đình chỉ hiệu lực Bằng bảo hộ giống cây trồng.

d) Quyết định đình chỉ hiệu lực Bằng bảo hộ giống cây trồng được đăng tải trên Tạp chí Nông nghiệp và Môi trường<sup>57</sup> và Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>58</sup> trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ban hành Quyết định.

## 2. Phục hồi hiệu lực Bằng bảo hộ giống cây trồng

a) Chủ sở hữu Bằng bảo hộ giống cây trồng được khắc phục lý do bị đình chỉ theo quy định tại khoản 5 Điều 170 Luật Sở hữu trí tuệ.

b) Chủ sở hữu Bằng bảo hộ giống cây trồng nộp hồ sơ đến Bộ Nông nghiệp

---

<sup>53</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>54</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>55</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>56</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>57</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>58</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

và Môi trường<sup>59</sup>. Hồ sơ gồm:

Đơn đề nghị phục hồi hiệu lực Bằng bảo hộ giống cây trồng theo quy định tại Mẫu số 13 ban hành kèm theo Nghị định này;

Chúng cứ chứng minh đã khắc phục lý do bị đình chỉ.

c) Trong thời hạn 10 ngày làm việc<sup>60</sup> kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>61</sup> thẩm định hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>62</sup> ban hành Quyết định phục hồi hiệu lực Bằng bảo hộ giống cây trồng, trả kết quả cho chủ sở hữu Bằng bảo hộ giống cây trồng và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>63</sup>.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>64</sup> trả lời bằng văn bản cho chủ sở hữu Bằng bảo hộ giống cây trồng và nêu rõ lý do.

### 3. Hủy bỏ hiệu lực Bằng bảo hộ giống cây trồng

a) Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>65</sup> ban hành Quyết định hủy bỏ hiệu lực Bằng bảo hộ giống cây trồng khi có căn cứ về một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 171 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 68 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2022.

<sup>59</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>60</sup> Cụm từ “12 ngày” được thay thế bằng cụm từ “10 ngày làm việc” theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>61</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>62</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>63</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>64</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>65</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

b) Tổ chức, cá nhân có ý kiến phản đối về một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 171 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 68 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2022 nộp hồ sơ đến Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>66</sup>. Hồ sơ gồm:

Đơn yêu cầu hủy bỏ hiệu lực Bằng bảo hộ giống cây trồng theo quy định tại Mẫu số 14 ban hành kèm theo Nghị định này;

Chứng cứ chứng minh lý do yêu cầu hủy bỏ hiệu lực Bằng bảo hộ giống cây trồng.

Trong thời hạn 20 ngày làm việc<sup>67</sup> kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>68</sup> tiến hành thẩm định, thông báo cho chủ sở hữu Bằng bảo hộ giống cây trồng.

Trường hợp lý do yêu cầu hủy bỏ hiệu lực Bằng bảo hộ là Đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng do người không có quyền đăng ký thực hiện việc đăng ký hoặc giống cây trồng được bảo hộ không đáp ứng các điều kiện về tính mới tại thời điểm cấp Bằng bảo hộ giống cây trồng, nếu ý kiến phản đối của người thứ ba đủ căn cứ pháp lý, Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>69</sup> ban hành Quyết định hủy bỏ hiệu lực Bằng bảo hộ giống cây trồng. Nếu ý kiến phản đối của người thứ ba chưa đủ căn cứ pháp lý, Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>70</sup> trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp lý do yêu cầu hủy bỏ hiệu lực Bằng bảo hộ giống cây trồng là giống cây trồng được bảo hộ không đáp ứng các điều kiện về tính khác biệt tại thời điểm cấp Bằng bảo hộ giống cây trồng hoặc giống cây trồng không đáp ứng các điều kiện về tính đồng nhất hoặc tính ổn định khi Bằng bảo hộ giống cây trồng được cấp dựa trên kết quả khảo nghiệm kỹ thuật do người đăng ký tự thực

---

<sup>66</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>67</sup> Cụm từ “30 ngày” được thay thế bằng cụm từ “20 ngày làm việc” theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>68</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>69</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>70</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

hiện, Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>71</sup> tổ chức khảo nghiệm đánh giá lại tính khác biệt hoặc tính đồng nhất hoặc tính ổn định của giống cây trồng trên.

Trong thời hạn 12 ngày kể từ ngày nhận được kết quả khảo nghiệm, Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>72</sup> tiến hành thẩm định. Trường hợp ý kiến phản đối của người thứ ba đủ căn cứ pháp lý, Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>73</sup> ban hành Quyết định hủy bỏ hiệu lực Bằng bảo hộ giống cây trồng. Trường hợp ý kiến phản đối của người thứ ba chưa đủ căn cứ pháp lý, Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>74</sup> trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

c) Quyết định hủy bỏ hiệu lực Bằng bảo hộ giống cây trồng được đăng tải trên Tạp chí Nông nghiệp và Môi trường<sup>75</sup> và Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>76</sup> trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ban hành Quyết định.

#### **Điều 14. Sổ đăng ký quốc gia**

1. Giống cây trồng được bảo hộ được ghi nhận vào Sổ đăng ký quốc gia.

2. Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>77</sup> có trách nhiệm lập và lưu giữ Sổ đăng ký quốc gia về giống cây trồng được bảo hộ.

Sổ đăng ký quốc gia về giống cây trồng được bảo hộ ghi nhận và lưu giữ thông tin về Bằng bảo hộ giống cây trồng và những thay đổi trong thời hạn hiệu

<sup>71</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>72</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>73</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>74</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>75</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>76</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>77</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

lực Bằng bảo hộ giống cây trồng.

**Điều 15. Giống cây trồng có nguồn gốc chủ yếu từ giống cây trồng được bảo hộ**

Các phương pháp tác động vào giống cây trồng được bảo hộ (giống ban đầu) để tạo ra giống cây trồng mới có những tính trạng khác biệt với giống cây trồng ban đầu (được gọi là giống cây trồng có nguồn gốc chủ yếu từ giống cây trồng được bảo hộ theo quy định tại khoản 1 Điều 187 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 23 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2009) bao gồm: Chuyển gen, chỉnh sửa gen, lai trở lại, chọn lọc biến dị tự nhiên hay nhân tạo hoặc biến dị soma, gây đột biến nhân tạo bằng phương pháp bất kỳ.

**Chương III**

**QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG LÀ KẾT QUẢ CỦA NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

**Điều 16.<sup>78</sup> (được bãi bỏ)**

**Điều 17.<sup>79</sup> (được bãi bỏ)**

**Điều 18.<sup>80</sup> (được bãi bỏ)**

**Chương IV**

**CHUYỂN NHƯỢNG, CHUYỂN GIAO QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG ĐƯỢC BẢO HỘ**

**Điều 19. Đăng ký chuyển nhượng quyền đối với giống cây trồng được bảo hộ**

1. Sau khi giao kết hợp đồng chuyển nhượng quyền đối với giống cây trồng theo quy định của pháp luật, hồ sơ đề nghị đăng ký chuyển nhượng được nộp tại Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>81</sup>. Hồ sơ gồm:

a) Tờ khai đăng ký chuyển nhượng theo quy định tại Mẫu số 18 ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao có chứng thực hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu giống cây trồng. Nội dung hợp đồng phải bằng tiếng Việt hoặc phải được dịch ra tiếng

<sup>78</sup> Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>79</sup> Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>80</sup> Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>81</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

Việt, từng trang phải có chữ ký xác nhận của các bên hoặc dấu giáp lai;

c) Bản chính Bằng bảo hộ giống cây trồng được chuyển nhượng;

d) Bản chính văn bản đồng ý của các đồng chủ sở hữu giống cây trồng trường hợp giống cây trồng thuộc sở hữu chung.

2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc<sup>82</sup> kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>83</sup> thẩm định hồ sơ.

a) Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>84</sup> thông báo bằng văn bản việc chuyển nhượng quyền chủ sở hữu Bằng bảo hộ giống cây trồng, ghi nhận bên nhận chuyển nhượng là chủ sở hữu Bằng bảo hộ giống cây trồng, cập nhật vào Sổ đăng ký quốc gia, cấp Bằng bảo hộ giống cây trồng theo thông tin ghi nhận việc chuyển nhượng và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>85</sup>.

b) Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>86</sup> trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân và nêu rõ lý do.

**Điều 20.<sup>87</sup> (được bãi bỏ)**

**Điều 21. Các trường hợp bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ**

1. Các trường hợp bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ gồm:

a) Việc sử dụng giống cây trồng nhằm mục đích công cộng, phi thương mại, phục vụ nhu cầu quốc phòng, an ninh, an ninh lương thực và dinh dưỡng

<sup>82</sup> Cụm từ “30 ngày” được thay thế bằng cụm từ “15 ngày làm việc” theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>83</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>84</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>85</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>86</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>87</sup> Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

cho nhân dân hoặc đáp ứng các nhu cầu cấp thiết của xã hội như thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh, ô nhiễm môi trường trên diện rộng;

b) Người có nhu cầu và năng lực sử dụng giống cây trồng không đạt được thỏa thuận với người nắm độc quyền sử dụng giống cây trồng về việc ký kết hợp đồng sử dụng giống cây trồng mặc dù trong 12 tháng (trừ trường hợp bất khả kháng) đã cố gắng thương lượng với mức giá và các điều kiện thương mại thỏa đáng;

c) Người nắm độc quyền sử dụng giống cây trồng bị coi là thực hiện hành vi hạn chế cạnh tranh bị cấm theo quy định của pháp luật về cạnh tranh.

2. Trường hợp sử dụng giống cây trồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh<sup>88</sup> thông báo công khai nhu cầu về giống gồm: tên giống cây trồng, mục đích, lượng giống cần sử dụng, phạm vi, thời gian đáp ứng mục đích chuyển giao và thời hạn nộp hồ sơ đăng ký để tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng giống cây trồng đăng ký.

### **Điều 22. Khung giá đền bù đối với việc bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng**

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh<sup>89</sup> thực hiện thuê doanh nghiệp thẩm định giá thực hiện thẩm định giá đối với giống cây trồng bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng theo pháp luật hiện hành. Kết quả thẩm định giá được sử dụng làm một trong những căn cứ để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh<sup>90</sup> xác định khung giá đền bù đối với giống cây trồng bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng.

Trong trường hợp không thuê được doanh nghiệp thẩm định giá, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh<sup>91</sup> thành lập Hội đồng thẩm định giá để xác định khung giá đền bù đối với giống cây trồng bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng.

### **Điều 23. Thủ tục chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ theo quyết định bắt buộc**

1. Đối tượng được chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ

<sup>88</sup> Cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>89</sup> Cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>90</sup> Cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>91</sup> Cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

theo quyết định bắt buộc:

a) Tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng giống cây trồng theo trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 21 Nghị định này;

b) Tổ chức, cá nhân không đạt được thỏa thuận sử dụng giống cây trồng hoặc bị cản trở cạnh tranh trong trường hợp quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 21 Nghị định này.

2.<sup>92</sup> Hồ sơ chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ theo quyết định bắt buộc:

a) Đơn yêu cầu bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng theo Mẫu số 32 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Báo cáo năng lực tài chính theo Mẫu số 33 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Tài liệu chứng minh yêu cầu bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng là có căn cứ xác đáng theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 21 Nghị định này;

d) Bản chính văn bản ủy quyền trường hợp nộp hồ sơ thông qua tổ chức dịch vụ đại diện quyền. Nội dung của văn bản ủy quyền gồm: bên ủy quyền, bên được ủy quyền, phạm vi và khối lượng công việc được ủy quyền, thời hạn ủy quyền.

3.<sup>93</sup> Trình tự thực hiện chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ theo quyết định bắt buộc:

a) Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ theo quyết định bắt buộc đến cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính bằng hình thức trực tiếp hoặc môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính;

b) Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời bằng văn bản tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính.

b1) Trường hợp chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ nhằm mục đích công cộng, phi thương mại, phục vụ nhu cầu quốc phòng, an ninh, an ninh lương thực và dinh dưỡng cho nhân dân hoặc đáp ứng các nhu cầu cấp thiết của xã hội như thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh, ô nhiễm môi trường trên diện rộng:

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, cơ

<sup>92</sup> Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>93</sup> Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính tổ chức thẩm định và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét ban hành Quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng đồng thời thông báo cho bên chuyển giao và bên nhận chuyển giao để thực hiện; trường hợp không ban hành, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b2) Trường hợp chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ cho người có nhu cầu và năng lực sử dụng giống cây trồng không đạt được thỏa thuận với người nắm độc quyền sử dụng giống cây trồng về việc ký kết hợp đồng sử dụng giống cây trồng mặc dù trong 12 tháng (trừ trường hợp bất khả kháng) đã cố gắng thương lượng với mức giá và các điều kiện thương mại thỏa đáng hoặc người nắm độc quyền sử dụng giống cây trồng bị coi là thực hiện hành vi hạn chế cạnh tranh bị cấm theo quy định của pháp luật về cạnh tranh:

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính thẩm định hồ sơ, thông báo cho người nắm độc quyền sử dụng giống cây trồng về yêu cầu chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng.

Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Thông báo, người nắm độc quyền sử dụng giống cây trồng phải trả lời bằng văn bản.

Trường hợp người nắm độc quyền sử dụng giống cây trồng không trả lời hoặc có văn bản đồng ý với yêu cầu chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét ban hành Quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng.

Trường hợp người nắm độc quyền sử dụng giống cây trồng có ý kiến phản đối với yêu cầu chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính xem xét ý kiến phản đối trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến phản đối của tổ chức, cá nhân.

Trường hợp yêu cầu chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng phù hợp với quy định, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét ban hành Quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng và thông báo cho bên chuyển giao và bên nhận chuyển giao để thực hiện.

Trường hợp yêu cầu chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng không có đủ căn cứ theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 21 Nghị định này, sau khi nhận được ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính ban

hành thông báo từ chối và nêu rõ lý do.

3a.<sup>94</sup> Đối với những giống cây trồng được bảo hộ sử dụng với mục đích làm thuốc, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính chủ trì, phối hợp với cơ quan chuyên môn về y tế tại địa phương ban hành quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng.

#### 4.<sup>95</sup> (được bãi bỏ)

### **Điều 24. Sửa đổi, đình chỉ, hủy bỏ hiệu lực của quyết định chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ**

1. Quyết định chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng:

a) Được sửa đổi khi điều kiện ban hành quyết định chuyển giao bắt buộc đã thay đổi;

b) Bị đình chỉ khi điều kiện ban hành quyết định chuyển giao bắt buộc không còn tồn tại;

c) Bị hủy bỏ khi có căn cứ chứng minh quyết định chuyển giao bắt buộc là trái quy định pháp luật.

2.<sup>96</sup> Hồ sơ sửa đổi, đình chỉ, hủy bỏ hiệu lực của quyết định chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng:

a) Đơn đề nghị sửa đổi, đình chỉ hiệu lực, hủy bỏ hiệu lực của quyết định chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng theo Mẫu số 33 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Tài liệu chứng minh việc sửa đổi, đình chỉ hiệu lực, hủy bỏ hiệu lực của quyết định chuyển giao bắt buộc là có căn cứ và không gây thiệt hại cho người được chuyển giao quyền sử dụng bắt buộc;

c) Bản chính văn bản ủy quyền trường hợp nộp yêu cầu thông qua Tổ chức dịch vụ đại diện quyền. Nội dung của văn bản ủy quyền gồm: bên ủy quyền, bên được ủy quyền, phạm vi và khối lượng công việc được ủy quyền, thời hạn ủy quyền.

3.<sup>97</sup> Trình tự thực hiện sửa đổi, đình chỉ, hủy bỏ hiệu lực của quyết định chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng:

<sup>94</sup> Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>95</sup> Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>96</sup> Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>97</sup> Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

a) Tổ chức, cá nhân có yêu cầu sửa đổi, đình chỉ hiệu lực, hủy bỏ hiệu lực của quyết định chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị sửa đổi, đình chỉ, hủy bỏ hiệu lực của quyết định chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng đến cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính bằng hình thức trực tiếp hoặc môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính;

b) Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời bằng văn bản tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính;

c) Trong thời hạn 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính tổ chức thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, đình chỉ, hủy bỏ hiệu lực của quyết định chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng; trường hợp không sửa đổi, đình chỉ, hủy bỏ, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

## **Chương V**

### **ĐẠI DIỆN QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG**

#### **Điều 25. Phạm vi quyền của đại diện quyền đối với giống cây trồng**

1. Tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng chỉ được thực hiện các dịch vụ trong phạm vi được ủy quyền và được phép ủy quyền lại cho tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng khác, nếu được sự đồng ý bằng văn bản của người ủy quyền.

2. Nghĩa vụ của tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng:

a) Không đồng thời đại diện cho các bên tranh chấp với nhau về quyền đối với giống cây trồng;

b) Không rút đơn yêu cầu cấp Bằng bảo hộ, tuyên bố từ bỏ sự bảo hộ, rút đơn khiếu nại về việc xác lập quyền đối với giống cây trồng nếu không được bên ủy quyền đại diện cho phép;

c) Không lừa dối hoặc ép buộc khách hàng trong việc ký kết và thực hiện hợp đồng dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng;

d) Không sử dụng hoặc tiết lộ các thông tin liên quan đến đơn đăng ký bảo hộ chưa được công bố bởi Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>98</sup>.

#### **Điều 26. Đào tạo pháp luật về quyền đối với giống cây trồng**

1. Nội dung đào tạo pháp luật về quyền đối với giống cây trồng gồm:

---

<sup>98</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

a) Pháp luật về quyền đối với giống cây trồng, gồm quy định pháp luật của Việt Nam và quy định của Điều ước quốc tế và các văn bản hướng dẫn, thoả thuận hợp tác mà Việt Nam tham gia là thành viên;

b) Các văn bản quy phạm pháp luật quản lý nhà nước về giống cây trồng;

c) Thủ tục xác lập quyền đối với giống cây trồng, tra cứu, khai thác thông tin bảo hộ giống cây trồng;

d) Các quy định về khảo nghiệm DUS: Tài liệu khảo nghiệm DUS, thực hiện khảo nghiệm DUS.

2. Cơ sở đào tạo và cấp chứng chỉ đào tạo pháp luật về quyền đối với giống cây trồng:

a) Xây dựng chương trình đào tạo trên cơ sở khung chương trình đào tạo theo quy định tại Mẫu số 22 ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Tổ chức biên soạn và duyệt giáo trình hoặc lựa chọn giáo trình phù hợp làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức; in phôi và cấp chứng chỉ đào tạo pháp luật về quyền đối với giống cây trồng theo quy định tại Mẫu số 23 ban hành kèm theo Nghị định này đối với cá nhân tham dự đầy đủ nội dung đào tạo về đại diện quyền đối với giống cây trồng;

c) Gửi danh sách cá nhân được cấp chứng chỉ đào tạo pháp luật về quyền đối với giống cây trồng về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh<sup>99</sup> trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cấp chứng chỉ.

### **Điều 27. Kiểm tra nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng**

1. Nội dung kiểm tra nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng:

a) Pháp luật về quyền đối với giống cây trồng, gồm quy định pháp luật của Việt Nam và quy định của Điều ước quốc tế và các văn bản hướng dẫn, thoả thuận hợp tác mà Việt Nam tham gia là thành viên;

b) Kỹ năng áp dụng pháp luật trong việc thực hiện thủ tục xác lập quyền đối với giống cây trồng; tra cứu, khai thác thông tin bảo hộ giống cây trồng; việc thực hiện khảo nghiệm DUS.

2.<sup>100</sup> Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính thông báo trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan về việc tổ chức kiểm tra nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng, trong đó nêu rõ điều kiện tham dự kiểm tra, thủ tục nộp hồ sơ, nội dung kiểm tra, thời gian, địa điểm kiểm tra.

<sup>99</sup> Cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>100</sup> Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

3. Cá nhân đáp ứng đủ các điều kiện sau được đăng ký dự kiểm tra theo quy định tại Điều này, cụ thể như sau:

- a) Là công dân Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- b) Thường trú tại Việt Nam;
- c) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành: trồng trọt, bảo vệ thực vật, sinh học, lâm sinh, luật;
- d) Đã trực tiếp làm công tác pháp luật về quyền đối với giống cây trồng từ 05 năm trở lên hoặc đã trực tiếp làm công tác thẩm định các loại đơn đăng ký quyền đối với giống cây trồng tại cơ quan quốc gia hoặc quốc tế về quyền đối với giống cây trồng từ 05 năm trở lên hoặc đã tốt nghiệp khóa đào tạo pháp luật về quyền đối với giống cây trồng được cơ quan có thẩm quyền công nhận.

4.<sup>101</sup> Hồ sơ đăng ký kiểm tra nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng:

- a) Tờ khai đăng ký kiểm tra nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng theo Mẫu số 35 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này;
- b) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Bằng tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học;
- c) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Chứng chỉ đào tạo pháp luật về quyền đối với giống cây trồng hoặc Quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động và tài liệu khác chứng minh thực tế hoạt động chuyên môn;

d) 02 ảnh cỡ 3 cm x 4 cm.

5.<sup>102</sup> Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính ban hành Quyết định thành lập Hội đồng kiểm tra nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng (sau đây gọi là Hội đồng kiểm tra).

a) Hội đồng kiểm tra có 05 người, trong đó Chủ tịch Hội đồng kiểm tra là lãnh đạo đơn vị được giao quản lý nhà nước về bảo hộ giống cây trồng; thành viên Hội đồng kiểm tra là những chuyên gia có kinh nghiệm và uy tín về chuyên môn trong lĩnh vực bảo hộ giống cây trồng; công chức được giao nhiệm vụ về bảo hộ giống cây trồng là thư ký hành chính;

b) Hội đồng kiểm tra có trách nhiệm xây dựng ngân hàng đề kiểm tra (gồm cả đáp án và thang điểm).

6. Tổ chức thực hiện việc kiểm tra

a) Đề kiểm tra do Chủ tịch Hội đồng kiểm tra chọn ngẫu nhiên từ ngân

---

<sup>101</sup> Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>102</sup> Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

hàng đề bài kiểm tra.

b) Hội đồng kiểm tra chấm bài kiểm tra theo đáp án và thang điểm của đề kiểm tra.

c) Người đạt điểm kiểm tra từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10 đối với bài kiểm tra được coi là đạt yêu cầu.

7.<sup>103</sup> Trình tự thực hiện cấp giấy chứng nhận kiểm tra nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng:

a) Cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận kiểm tra nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng đến cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính bằng hình thức trực tiếp hoặc môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính;

b) Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời bằng văn bản tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính;

c) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức kiểm tra, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính tổ chức thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

d) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cấp Giấy chứng nhận kiểm tra nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng theo Mẫu số 36 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp không cấp, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

8.<sup>104</sup> Cá nhân có nhu cầu được cấp giấy chứng nhận kiểm tra nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng được quyền nộp hồ sơ tại bất kỳ cơ quan tiếp nhận hồ sơ nào do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao, không phụ thuộc vào nơi cư trú hoặc nơi làm việc của cá nhân.

## **Điều 28. Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng<sup>105</sup>**

1. Cá nhân đáp ứng các điều kiện để được cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ

<sup>103</sup> Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 22 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>104</sup> Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 22 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>105</sup> Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

đại diện quyền quy định tại khoản 66 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Sở hữu trí tuệ năm 2022 nộp hồ sơ đến cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Hồ sơ cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng:

a) Đơn yêu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng theo Mẫu số 37 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này;

b) 02 ảnh cỡ 3 cm x 4 cm.

2. Trình tự thực hiện cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng:

a) Cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng đến cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính bằng hình thức trực tiếp hoặc môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính;

b) Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời bằng văn bản tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính;

c) Trong thời hạn 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính tổ chức thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng theo Mẫu số 38 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp không cấp, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

### **Điều 29. Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng<sup>106</sup>**

1. Cá nhân có Chứng chỉ hành nghề bị mất, rách, bản, phai mờ đến mức không thể sử dụng được có yêu cầu cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng nộp hồ sơ đến cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Hồ sơ cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng:

a) Đơn yêu cầu cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng theo Mẫu số 39 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này;

b) 01 ảnh cỡ 3 cm x 4 cm.

2. Trình tự thực hiện cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng:

a) Cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ

---

<sup>106</sup> Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

đại diện quyền đối với giống cây trồng đến cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính bằng hình thức trực tiếp hoặc môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính;

b) Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời bằng văn bản tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính;

c) Trong thời hạn 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính tổ chức thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng theo Mẫu số 38 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp không cấp lại, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**Điều 30. Thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng**

1. Người được cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng bị thu hồi Chứng chỉ trong các trường hợp sau đây:

a) Chấm dứt hoạt động đại diện quyền đối với giống cây trồng;

b) Không còn đáp ứng các điều kiện để được cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng quy định tại khoản 66 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2022;

c) Không thực hiện trách nhiệm đại diện quyền quy định tại khoản 66 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2022 hoặc khoản 2 Điều 25 Nghị định này;

d) Có sai phạm nghiêm trọng trong hoạt động đại diện quyền đối với giống cây trồng;

đ) Lợi dụng danh nghĩa đại diện quyền đối với giống cây trồng để thực hiện các hoạt động ngoài phạm vi dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng quy định tại khoản 1 Điều 25 của Nghị định này;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật bắt buộc thu hồi.

2.<sup>107</sup> Khi có căn cứ thu hồi Chứng chỉ hành nghề theo quy định tại khoản 1 Điều này, trong thời hạn 13 ngày làm việc, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính thẩm định và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét ban hành Quyết định thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan.

---

<sup>107</sup> Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

**Điều 31. Ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng<sup>108</sup>**

1. Hồ sơ ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng:

a) Đơn yêu cầu ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng theo Mẫu số 40 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Danh sách thành viên có Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng và bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động của tổ chức đăng ký dịch vụ đại diện quyền với thành viên đó.

2. Trình tự thực hiện ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng:

a) Tổ chức nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng đến cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính bằng hình thức trực tiếp hoặc môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính;

b) Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời bằng văn bản tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính;

c) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính tổ chức thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

d) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng theo Mẫu số 41 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp không ghi nhận, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**Điều 32. Ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng<sup>109</sup>**

1. Hồ sơ ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng:

a) Đơn yêu cầu ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng theo Mẫu số 40 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này;

<sup>108</sup> Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>109</sup> Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

b) Danh sách thành viên có Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng và bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động của tổ chức đăng ký dịch vụ đại diện quyền với thành viên đó.

2. Trình tự thực hiện ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng:

a) Tổ chức nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng đến cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính bằng hình thức trực tiếp hoặc môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính;

b) Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời bằng văn bản tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính;

c) Trong thời hạn 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng theo Mẫu số 41 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp không ghi nhận lại, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

### **Điều 33. Xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng**

1. Tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng bị xóa tên trong các trường hợp sau đây:

a) Chấm dứt kinh doanh dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng;

b) Không còn đáp ứng một trong những điều kiện được kinh doanh dịch vụ đại diện quyền quy định tại khoản 66 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2022;

c) Không thực hiện trách nhiệm đại diện quyền quy định tại khoản 66 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2022 hoặc khoản 3 Điều 27 của Nghị định này;

d) Có sai phạm nghiêm trọng trong hoạt động dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng;

đ) Lợi dụng danh nghĩa đại diện quyền đối với giống cây trồng để thực hiện các hoạt động ngoài phạm vi dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng quy định tại khoản 1 Điều 25 của Nghị định này.

2.<sup>110</sup> Trường hợp tổ chức dịch vụ đại diện quyền vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét ban hành Quyết định xoá tên tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan.

**Điều 34. Trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>111</sup> và các bộ, ngành liên quan**

1. Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>112</sup> thực hiện quản lý nhà nước về quyền đối với giống cây trồng trên phạm vi cả nước, có trách nhiệm tổ chức thi hành Nghị định này:

a) Tổ chức cấp, cấp lại, đình chỉ, hủy bỏ hiệu lực Bằng bảo hộ giống cây trồng;

b) Tổ chức xây dựng, ban hành Tài liệu hướng dẫn hoặc Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN) về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định (khảo nghiệm DUS) đối với các loài cây trồng mới;

c) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật, đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng;

d) Kiểm tra<sup>113</sup> và xử lý vi phạm hành chính trong việc thực hiện bảo hộ quyền đối với giống cây trồng;

đ) Hợp tác quốc tế về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng;

e) Quản lý hoạt động đại diện quyền đối với giống cây trồng; ghi nhận, ghi nhận lại, xoá tên, ghi nhận sửa đổi thông tin tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng; cấp, cấp lại, thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng;

g) Kiểm tra các hoạt động đào tạo pháp luật về quyền đối với giống cây trồng, hoạt động của tổ chức dịch vụ đại diện quyền;

h) Tổ chức hoạt động thông tin, thống kê về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng;

---

<sup>110</sup> Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>111</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>112</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>113</sup> Cụm từ “, thanh tra” được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

i) Cập nhật cơ sở dữ liệu về bảo hộ giống cây trồng tại Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>114</sup> và cơ quan có thẩm quyền của Hiệp hội quốc tế về bảo hộ giống cây trồng mới (UPOV).

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn được giao có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về quyền đối với giống cây trồng theo quy định của pháp luật.

**Điều 35. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương**

1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến; tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng.

2. Kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm hành chính trong việc thực hiện bảo hộ quyền đối với giống cây trồng.

3. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã<sup>115</sup> thi hành các biện pháp quản lý nhà nước về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng tại địa phương.

**Chương VI**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH<sup>116</sup>**

<sup>114</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>115</sup> Cụm từ “Ủy ban nhân dân thành phố thuộc tỉnh, quận, huyện, thị xã” được thay thế bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã” theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>116</sup> Điều 2 Nghị định số 11/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 103/2020/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về chứng nhận chủng loại gạo thơm xuất khẩu sang Liên minh châu Âu để hướng dẫn thực hiện việc chứng nhận chủng loại gạo thơm xuất khẩu sang Liên minh châu Âu và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2022 quy định như sau:

**“Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Nghị định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

2. Quy định về chuyển tiếp

*Gạo thơm được sản xuất trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành để xuất khẩu sang UK thì hồ sơ đề nghị chứng nhận chủng loại gạo thơm của tổ chức, cá nhân thực hiện theo điểm a khoản 1 Điều 7 Nghị định số 103/2020/NĐ-CP và khoản 3 Điều 1 Nghị định này; hồ sơ đề nghị chứng nhận lại chủng loại gạo thơm thực hiện theo điểm a khoản 2 Điều 8 Nghị định số 103/2020/NĐ-CP và khoản 5 Điều 1 Nghị định này đến hết ngày 31 tháng 3 năm 2022.*

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.”

Điều 32, Điều 33, Điều 34 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026 quy định như sau:

### **Điều 36. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 11 năm 2023.
2. Các văn bản sau hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành:
  - a) Nghị định số 88/2010/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về quyền đối với giống cây trồng;

---

### **“Điều 32. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.
2. Bãi bỏ Điều 4 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
3. Bãi bỏ một số quy định tại Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường
  - a) Bãi bỏ Điều 5; Điều 6; các khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16 và 17 Điều 7;
  - b) Bãi bỏ các Mục 1, 2, 3, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17 và 18 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.
4. Bãi bỏ một số quy định tại Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai như sau:
  - a) Bỏ cụm từ “tổ chức kiểm tra phương án sử dụng tầng đất mặt đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa (nếu có);” tại điểm b khoản 1, điểm b khoản 3 Mục I Phần III Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 151/2025/NĐ-CP;
  - b) Bãi bỏ điểm c mục 5.1 khoản 5 Mục I Phần III Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 151/2025/NĐ-CP;
  - c) Bãi bỏ Mẫu số 26 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 151/2025/NĐ-CP.

### **Điều 33. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Tổ chức, cá nhân đã được cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ để giải quyết theo thủ tục hành chính trước ngày Nghị định này có hiệu lực mà chưa có kết quả giải quyết thủ tục hành chính thì tiếp tục được giải quyết theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận; trừ trường hợp tổ chức, cá nhân để nghị thực hiện theo quy định của Nghị định này.
2. Văn bản, giấy phép, giấy chứng nhận là kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được cơ quan, người có thẩm quyền ban hành trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành và chưa hết hiệu lực hoặc chưa hết thời hạn thì tiếp tục được áp dụng, sử dụng theo thời hạn ghi trên văn bản, giấy phép, giấy chứng nhận đó cho đến khi hết thời hạn.  
Trường hợp tổ chức, cá nhân có nhu cầu được sửa đổi, bổ sung, cấp lại, gia hạn văn bản, giấy phép, giấy chứng nhận sau ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định tại Nghị định này.
3. Trường hợp người được nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đã nộp hồ sơ thực hiện trình tự, thủ tục giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất mà phải xây dựng phương án sử dụng tầng đất mặt theo quy định nhưng chưa thực hiện việc bóc tách thì thực hiện theo quy định của Nghị định này.

### **Điều 34. Trách nhiệm thi hành**

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.”

b) Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng;

c) Thông tư số 03/2021/TT-BNNPTNT ngày 22 tháng 6 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng.

### **Điều 37. Điều khoản chuyển tiếp**

Đơn đăng ký giống cây trồng đã được nộp cho cơ quan có thẩm quyền trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành tiếp tục thực hiện theo quy định của văn bản pháp luật có hiệu lực tại thời điểm nộp đơn, trừ quy định về sửa đổi, bổ sung đơn đăng ký bảo hộ, khảo nghiệm DUS thì áp dụng quy định của Nghị định này nếu có thủ tục phát sinh sau thời điểm Nghị định này có hiệu lực.

Mọi quyền và nghĩa vụ theo Bằng bảo hộ được cấp theo quy định của pháp luật có hiệu lực trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành và các thủ tục duy trì, sửa đổi, chuyển giao quyền sử dụng, chuyển nhượng quyền sở hữu liên quan đến Bằng bảo hộ đó được áp dụng theo quy định của Nghị định này, trừ quy định về căn cứ hủy bỏ hiệu lực Bằng bảo hộ thì áp dụng quy định của văn bản pháp luật có hiệu lực tại thời điểm cấp Bằng bảo hộ.

## **BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT**

Số: /VBHN-BNNMT

*Hà Nội, ngày tháng năm 2026*

### ***Nơi nhận:***

- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Bộ (để đăng Cổng thông tin điện tử Bộ Nông nghiệp và Môi trường);
- Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, TTTV.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Hoàng Trung**

**PHỤ LỤC***(Kèm theo Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ)***Mẫu số 01****TỜ KHAI ĐĂNG KÝ BẢO HỘ GIỐNG CÂY TRỒNG**

Kính gửi:

**DẤU NHẬN ĐƠN VÀ SỐ ĐƠN**  
*(Dành cho cán bộ nhận đơn)*

**1. Tên loài cây trồng:**

- Tên tiếng Việt: .....

- Tên khoa học: .....

**2. Tên giống cây trồng:** .....**3. Người đăng ký (Chủ sở hữu khi được cấp Bằng):**

Tên (tổ chức/cá nhân): .....

Địa chỉ: .....

Địa chỉ *(liên hệ khi cần, nơi nhận các thông báo từ cơ quan có thẩm quyền)*:  
.....Mã số doanh nghiệp/số Quyết định thành lập *(đối với các tổ chức khác)* hoặc Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Số định danh cá nhân *(trường hợp người đăng ký là cá nhân)*  
.....

Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....

Quốc tịch: ..... Điện thoại: ..... Email: .....

**4. Đại diện<sup>1</sup> (trường hợp nộp Đơn qua đại diện):**

Tên tổ chức/cá nhân: .....

Địa chỉ: .....

Địa chỉ *(liên hệ khi cần, nơi nhận các thông báo từ cơ quan có thẩm quyền)*:  
.....Mã số doanh nghiệp/số Quyết định thành lập *(đối với các tổ chức khác)* hoặc Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Số định danh cá nhân *(trường hợp người đăng ký là cá nhân)*  
.....

Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....

Điện thoại: ..... Email: .....

**5. Tác giả giống đăng ký bảo hộ:**

Tổ chức/cá nhân: .....

Địa chỉ: .....

Quốc tịch: .....

Điện thoại: ..... Email: .....

*(Lập danh sách, ghi đầy đủ thông tin: họ và tên, địa chỉ, quốc tịch, điện thoại, email của từng tác giả trong trường hợp có nhiều tác giả cùng chọn tạo giống cây trồng)***6. Địa điểm chọn tạo hoặc phát hiện, phát triển giống đăng ký bảo hộ** *(ghi rõ địa chỉ, xã/phường, quận/huyện, tỉnh/thành phố, quốc gia nơi chọn tạo hoặc phát hiện và phát triển giống đăng ký):*

.....  
 .....  
 .....

**7. Trường hợp người đăng ký không trực tiếp chọn tạo hoặc thuê tổ chức, cá nhân chọn tạo hoặc phát hiện và phát triển giống đăng ký bảo hộ, giống cây trồng có được do một trong các hình thức sau:**

- Hợp đồng chuyển giao quyền đăng ký  
 Thừa kế, kế thừa  
 Hình thức khác (ghi rõ thông tin): .....

**8. Đơn đã nộp liên quan đến quyền đối với giống đăng ký bảo hộ (trường hợp đơn đăng ký đã được nộp ở các quốc gia khác)**

| Hình thức                    | Nơi nộp đơn<br>(quốc gia/vùng lãnh thổ) | Ngày nộp | Số đơn | Tình trạng đơn | Tên giống ghi trong đơn |
|------------------------------|---|----------|--------|----------------|-------------------------|
| Bảo hộ theo UPOV (PBR's)     |   |          |        |                |                         |
| Sáng chế (Patent)            |   |          |        |                |                         |
| Danh mục giống quốc gia (NL) |   |          |        |                |                         |
| Khác                         |   |          |        |                |                         |

**9. Giống đăng ký bảo hộ đã được công nhận lưu hành, công nhận lưu hành đặc cách, tự công bố lưu hành, công nhận chính thức**

Không

Có  .....

(Tại Quyết định số ..... ngày.... tháng .... năm..... với tên giống là .....

Hoặc hồ sơ tự công bố lưu hành được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật<sup>117</sup> ngày .... tháng..... năm..... với tên giống là.....)

**10. Đề nghị hưởng quyền ưu tiên<sup>2</sup>**

Quốc gia nộp đơn trước đó: .....

Số đơn:..... Ngày nộp:..... với tên giống là: .....

**11. Tính mới về thương mại**

a) Ở Việt Nam

- Chưa bán  ;

- Đã bán  (bán lần đầu tiên vào ngày..... tháng..... năm ..... với tên giống là .....

b) Ở nước ngoài

- Chưa bán  ;

- Đã bán  (bán lần đầu tiên vào ngày..... tháng..... năm..... tại..... với tên giống là .....

**12. Khảo nghiệm kỹ thuật (khảo nghiệm DUS)**

a) Trường hợp đã thực hiện

- Tổ chức/cá nhân thực hiện: .....

- Địa điểm thực hiện: .....

- Thời gian thực hiện: .....

<sup>117</sup> Cụm từ “Cục Trồng trọt” được thay thế bằng cụm từ “Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật” theo quy định tại điểm g khoản 4 Điều 29 Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2026.

- Đề nghị: .....
- b) Trường hợp đang thực hiện
- Tổ chức/cá nhân thực hiện: .....
- Địa điểm thực hiện: .....
- Thời gian bắt đầu thực hiện: .....
- Đề nghị: .....
- c) Trường hợp chưa thực hiện
- Đề nghị:

Trường hợp người đăng ký đề xuất tự thực hiện khảo nghiệm DUS, đề nghị cung cấp thông tin dự kiến về (các) giống đối chứng, địa điểm và thời gian thực hiện khảo nghiệm DUS trừ trường hợp giống đăng ký thuộc loài cây trồng chưa có Tài liệu khảo nghiệm DUS.

### 13. Vật liệu nhân giống của giống đăng ký bảo hộ

(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam đoan:

a) Các vật liệu nhân giống được cung cấp cùng với đơn này là đại diện cho giống và phù hợp với nội dung của đơn.

b) Các vật liệu nhân giống được cung cấp cùng với đơn đầu tiên là đại diện cho giống và phù hợp với nội dung của đơn này (trường hợp đơn đề nghị hưởng quyền ưu tiên).

c) Đồng ý để cơ quan có thẩm quyền về bảo hộ giống cây trồng sử dụng các thông tin cần thiết và vật liệu nhân giống trao đổi với các cơ quan liên quan có thẩm quyền của các nước thành viên UPOV hoặc nước có ký kết với Việt Nam thỏa thuận về bảo hộ giống cây trồng, với điều kiện là quyền của chúng tôi được bảo đảm.

### 14. Các tài liệu có trong đơn đăng ký bảo hộ

| Phần xác nhận của người đăng ký/Đại diện |   |                          | Kiểm tra danh mục tài liệu<br>(Dành cho cán bộ nhận đơn) |                          |
|--|---|--------------------------|--|--------------------------|
| a  | Tờ khai đăng ký gồm:      trang x    bản        | <input type="checkbox"/> |  | <input type="checkbox"/> |
| b  | Tờ khai kỹ thuật gồm:      trang x    bản       | <input type="checkbox"/> |  | <input type="checkbox"/> |
| c  | Ảnh mô tả giống gồm:      ảnh                   | <input type="checkbox"/> |  | <input type="checkbox"/> |
| d  | Tài liệu chứng minh quyền đăng ký               | <input type="checkbox"/> |  | <input type="checkbox"/> |
| đ  | Tài liệu xin hưởng quyền ưu tiên                | <input type="checkbox"/> |  | <input type="checkbox"/> |
| e  | Văn bản ủy quyền                                | <input type="checkbox"/> |  | <input type="checkbox"/> |
| g  | Bản sao chứng từ nộp phí thẩm định đơn          | <input type="checkbox"/> |  | <input type="checkbox"/> |
| h  | Chứng từ nộp phí xin hưởng quyền ưu tiên        | <input type="checkbox"/> |  | <input type="checkbox"/> |
| i  | Tài liệu khác (nếu có) gồm:      trang x    bản | <input type="checkbox"/> |  | <input type="checkbox"/> |

### 15. Cam kết của người đăng ký/đại diện:

(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam đoan mọi thông tin trong tờ khai là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Khai tại..... ngày ..... tháng ..... năm.....

**Người đăng ký/Đại diện**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu nếu có)

<sup>1</sup> Tổ chức dịch vụ đại diện quyền hoặc đại diện chủ sở hữu được ủy quyền trường hợp Đơn đăng ký có nhiều chủ sở hữu.

<sup>2</sup> Đối với giống đã đăng ký bảo hộ ở quốc gia thành viên UPOV trước thời điểm đăng ký tại Việt Nam dưới 01 năm.

**TỜ KHAI KỸ THUẬT**  
(Dành cho các loài chưa có Tài liệu khảo nghiệm DUS)

**1. Tên loài cây trồng:**

- Tên tiếng Việt: .....

- Tên khoa học: .....

**2. Tên giống cây trồng:** .....**3. Người đăng ký (Chủ sở hữu):**

Tên (tổ chức/cá nhân): .....

Địa chỉ: .....

Địa chỉ (liên hệ khi cần, nơi nhận các thông báo từ cơ quan có thẩm quyền):  
.....Mã số doanh nghiệp/số Quyết định thành lập (đối với các tổ chức khác) hoặc Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Số định danh cá nhân (trường hợp người đăng ký là cá nhân):  
.....

Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....

Quốc tịch: ..... Điện thoại: ..... Email: .....

**4. Đại diện<sup>1</sup> (trường hợp nộp Đơn qua đại diện):**

Tên tổ chức/cá nhân: .....

Địa chỉ: .....

Địa chỉ (liên hệ khi cần, nơi nhận các thông báo từ cơ quan có thẩm quyền):  
.....Mã số doanh nghiệp/số Quyết định thành lập (đối với các tổ chức khác) hoặc Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Số định danh cá nhân (trường hợp người đăng ký là cá nhân):  
.....

Ngày cấp:..... Nơi cấp: .....

Điện thoại:..... Email: .....

**5. Tác giả giống đăng ký bảo hộ:**

Tổ chức/cá nhân: .....

Địa chỉ: .....

Quốc tịch: .....

Điện thoại:..... Email: .....

*(Lập danh sách, ghi đầy đủ thông tin: họ và tên, địa chỉ, quốc tịch, điện thoại, email của từng tác giả trường hợp có nhiều tác giả)***6. Thông tin về quá trình chọn tạo và nhân giống của giống đăng ký****a) Quá trình chọn tạo****\* Lai**

- Lai có chủ đích (đề nghị nêu rõ tên bố mẹ) [ ]

Tên dòng mẹ (.....) x Tên dòng bố (.....)

- Lai có một phần đã biết (đề nghị nêu rõ phần đã biết) [ ]

Tên dòng mẹ (.....) x Tên dòng bố (.....)

- Lai không biết trước [ ]

**\* Đột biến (chỉ rõ giống gốc)** [ ]

.....  
 \* Phát hiện và phát triển (chi rõ địa điểm, thời gian phát hiện và cách phát triển)

.....  
 .....

\* Khác (đề nghị cung cấp thông tin chi tiết)

.....  
 .....

b) Phương pháp nhân giống

\* Giống nhân bằng hạt

- Tự thụ [ ]
- Giống sinh sản vô tính [ ]
- Giao phấn [ ]
- + Tự do [ ]
- + Nhân tạo [ ]
- Ưu thế lai [ ]
- + Lai đơn [ ]
- + Lai ba [ ]
- + Lai kép [ ]
- + Giống lai có sử dụng dòng bất dục đực [ ]
- + Giống lai có sử dụng dòng hữu dục đực [ ]
- + Khác [ ]
- Dòng thuần [ ]
- + Dòng bất dục đực [ ]
- + Dòng hữu dục đực [ ]
- Khác (đề nghị cung cấp chi tiết) [ ]

.....  
 .....

\* Nhân giống vô tính

- Củ [ ]
- Cành cắt (hom) [ ]
- Nhân *Invitro* [ ]
- Nhân chồi hoặc ghép [ ]
- Tách chồi [ ]
- Rễ [ ]
- Khác (chi rõ phương pháp) [ ]

.....  
 .....

\* Khác (đề nghị cung cấp chi tiết)

Trường hợp đối với sơ đồ lai tạo các giống ưu thế lai được cung cấp trong một trang riêng biệt. Trang đó cần phải cung cấp chi tiết tất cả các dòng bố mẹ cần cho quá trình nhân giống lai này, chẳng hạn:

- Lai đơn: Tên dòng mẹ (.....) x Tên dòng bố (.....)

- Lai ba:

Tên dòng mẹ (.....) x Tên dòng bố (.....)

Lai đơn được sử dụng như dòng mẹ (.....) x Tên dòng bố (.....)

Và phải xác định cụ thể:

+ Dòng bắt dục đực nào .....

+ Hệ thống duy trì dòng bắt dục đực .....

### 7. Tính trạng đặc trưng (mô tả chi tiết theo bảng)

| Tên tính trạng | Giống điển hình<br>(nếu có) | Mức độ biểu hiện | Mã số |
|----------------|-----------------------------|------------------|-------|
| 1. ....        |                             |                  |       |
| 2. ....        |                             |                  |       |
| .....          |                             |                  |       |

### 8. Giống tương tự (đề xuất) và sự khác biệt của giống tương tự và giống đăng ký

| Tên giống tương tự nhất với<br>giống đăng ký (nếu có) | Những tính trạng khác biệt giữa<br>giống đăng ký và giống tương tự | Biểu hiện tính trạng của<br>giống tương tự | Biểu hiện tính trạng của<br>giống đăng ký |
|---|--|--|---|
|   |  |  |   |
|   |  |  |   |

### 9. Thông tin bổ sung có thể giúp thẩm định giống

a) Ngoài thông tin đã cung cấp ở mục 5 và 6, có thông tin nào có thể bổ sung để đánh giá tính khác biệt của giống đăng ký

Có  Không

(Nếu có đề nghị cung cấp chi tiết)

.....  
.....

b) Những điều kiện đặc biệt để lưu giữ giống hoặc để tiến hành thẩm định giống đăng ký

Có  Không

(Nếu có đề nghị cung cấp chi tiết)

.....  
.....

c) Thông tin khác: .....

### 10. Giấy phép sản xuất

a) Giống có cần phải cấp giấy phép liên quan đến bảo vệ môi trường, sức khỏe con người và động vật trước khi đưa ra sản xuất không?

Có  Không

b) Đã có giấy phép nào được cấp chưa?

Có  Không

(Nếu có, đề nghị gửi kèm giấy phép)

### 11. Thông tin về vật liệu được thẩm định hoặc nộp để thẩm định

Tính trạng của giống đăng ký có thể bị ảnh hưởng của các yếu tố như: sâu bệnh, hóa chất (chất kích thích sinh trưởng, thuốc BVTV), nuôi cấy mô, chồi sinh trưởng được lấy từ các giai đoạn sinh trưởng khác nhau của cây.....

Không xử lý giống, làm ảnh hưởng tới sự biểu hiện các tính trạng của giống nếu không được cơ quan có thẩm

quyền cho phép hoặc yêu cầu xử lý. Nếu giống đã được xử lý, đề nghị cung cấp thông tin chi tiết về quá trình đó và chỉ rõ phương pháp theo sự hiểu biết:

a) Vi sinh vật (virus, nấm...)      Có       Không

.....

b) Hóa chất xử lý (chất kích thích, kìm hãm sinh trưởng, thuốc BVTV)

Có       Không

.....

c) Nuôi cấy mô      Có       Không

.....

d) Phương pháp khác      Có       Không

.....

Đề nghị cung cấp thông tin chi tiết đối với trường hợp “có”

Vật liệu giống cây trồng để thẩm định đã được kiểm tra nấm bệnh hoặc virus chưa?

Có  (Đề nghị cung cấp chi tiết cơ quan thẩm quyền đã kiểm tra)

Không

**12.** (Tổ chức, cá nhân) ..... xin cam đoan thông tin cung cấp trong Tờ khai này là chính xác, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*Khai tại..... ngày..... tháng..... năm.....*

**Người đăng ký/Đại diện**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu nếu có)*

<sup>1</sup> Tổ chức dịch vụ đại diện quyền hoặc đại diện chủ sở hữu được ủy quyền trường hợp Đơn đăng ký có nhiều chủ sở hữu.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG<sup>118</sup>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../TB

..., ngày... tháng... năm...

**THÔNG BÁO****Về việc chấp nhận Đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng**

Kính gửi: .....

Căn cứ...

Căn cứ Điều ..... Luật Sở hữu trí tuệ; Luật sửa đổi, bổ sung Luật Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ kết quả thẩm định hình thức Đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng;

Theo đề nghị của .....

..... thông báo:

1. Chấp nhận Đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng sau:

Tên loài (tên tiếng Việt và tên khoa học):

Tên giống:

Số đơn:

Ngày nộp:

Người có quyền đăng ký đối với giống cây trồng, địa chỉ:

Tác giả giống cây trồng, địa chỉ:

Đại diện của người đăng ký, địa chỉ:

2. Đơn nói trên được chấp nhận là đơn hợp lệ từ ngày:

3. Ghi nhận tạm thời với tên giống đăng ký bảo hộ là:

4. Được hưởng quyền ưu tiên theo đơn đầu tiên số: ..... Nộp tại: ..... Ngày .....

5. Hình thức khảo nghiệm DUS:

6. Thông báo này được công bố trên Tạp chí Nông nghiệp và Môi trường<sup>119</sup> và Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>120</sup>.**Cơ quan có thẩm quyền**

(Ký tên, đóng dấu)

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- Lưu:

<sup>118</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>119</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>120</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

**TỜ KHAI YÊU CẦU SỬA ĐỔI, BỔ SUNG  
ĐƠN ĐĂNG KÝ BẢO HỘ GIỐNG CÂY TRỒNG**

Kính gửi<sup>1</sup>: .....

**1. Người đăng ký:**

Tên tổ chức/cá nhân: .....

Địa chỉ: .....

Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập (đối với các tổ chức khác) hoặc Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Số định danh cá nhân (trường hợp người đăng ký là cá nhân):

.....

Điện thoại:..... E-mail: .....

**2. Đại diện<sup>2</sup> (Trường hợp người đăng ký nộp Đơn qua đại diện):**

Tên tổ chức/cá nhân: .....

Địa chỉ: .....

Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập (đối với các tổ chức khác) hoặc Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Số định danh cá nhân (trường hợp người đăng ký là cá nhân):

.....

Điện thoại:..... E-mail:.....

**3. Thông tin đơn yêu cầu sửa đổi, bổ sung**

Tên giống:

Tên loài (tên tiếng Việt và tên khoa học):

Số bảng:

**4. Nội dung yêu cầu sửa đổi, bổ sung:**

.....

**5. Lý do sửa đổi, bổ sung:**

.....

**6. Cam kết**

(Tổ chức, cá nhân)..... cam đoan mọi thông tin trong đơn trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*Khai tại..... ngày... tháng..... năm.....*

**Người đăng ký/Đại diện**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu nếu có)*

<sup>1</sup> Cơ quan quản lý nhà nước về bảo hộ giống cây trồng.

<sup>2</sup> Tổ chức dịch vụ đại diện quyền hoặc đại diện chủ sở hữu được ủy quyền trường hợp Đơn đăng ký có nhiều chủ sở hữu.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG<sup>121</sup>

-----

Số: .../TB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----

..., ngày... tháng... năm...

**THÔNG BÁO****Về việc chấp nhận sửa đổi, bổ sung Đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng**

Kính gửi: .....

*Căn cứ...**Căn cứ Điều..... Luật Sở hữu trí tuệ; Luật sửa đổi, bổ sung Luật Sở hữu trí tuệ;**Xét đề nghị sửa đổi, bổ sung Đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng của.....;*

.....thông báo:

1. Ghi nhận thay đổi thông tin Đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng sau:

Tên loài (tên tiếng Việt và tên khoa học):

Tên giống:

Số đơn:

Ngày nộp:

2. Thông tin đề nghị sửa đổi:

.....  
.....

3. Thông tin được chấp nhận sửa đổi như sau:

.....  
.....4. Thông báo này được công bố trên Tạp chí Nông nghiệp và Môi trường<sup>122</sup> và Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>123</sup>.**Nơi nhận:**

- Như trên;

- Lưu:

**Cơ quan có thẩm quyền***(Ký tên, đóng dấu)*

<sup>121</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>122</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>123</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

**NỘI DUNG TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN KHẢO NGHIỆM DUS ĐỐI VỚI LOÀI CÂY TRỒNG CHƯA CÓ  
TÀI LIỆU KHẢO NGHIỆM DUS**

1. Tên tài liệu.
2. Phạm vi áp dụng.
3. Tài liệu viện dẫn (nếu có).
4. Giải thích từ ngữ.
5. Các từ viết tắt (nếu có).
6. Yêu cầu về khảo nghiệm:
  - Các tính trạng đặc trưng;
  - Bảng tính trạng đặc trưng;
  - Yêu cầu về vật liệu khảo nghiệm;
  - Các tính trạng phân nhóm;
  - Phương pháp khảo nghiệm;
  - Phương pháp đánh giá.
7. Yêu cầu về địa điểm, cơ sở hạ tầng và trang thiết bị khảo nghiệm.
8. Giải thích, minh họa và hướng dẫn theo dõi một số tính trạng (nếu có).
9. Mẫu tờ khai kỹ thuật.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng... năm...

**BIÊN BẢN KIỂM TRA KHẢO NGHIỆM DUS**  
**DO NGƯỜI ĐĂNG KÝ TỰ THỰC HIỆN**

1. Tên tổ chức, cá nhân đăng ký khảo nghiệm: .....
- Địa chỉ: .....
- Địa điểm khảo nghiệm: .....
2. Tên loài (tên tiếng Việt và tên khoa học): .....
3. Tên giống đăng ký: .....
4. Thành viên đoàn kiểm tra:  
.....  
.....  
.....
5. Nội dung kiểm tra
  - a) Việc đáp ứng điều kiện được tự khảo nghiệm;
  - b) Việc thực hiện khảo nghiệm DUS;
  - c) Đánh giá tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định của giống đăng ký bảo hộ với giống đối chứng.
  - d) Thông tin khác (nếu có)
6. Kết quả kiểm tra: .....
7. Các lỗi yêu cầu khắc phục: .....
8. Các hoạt động phải thực hiện để khắc phục: .....
9. Kết luận (nêu rõ thời gian phải gửi báo cáo khắc phục nếu có): .....

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**ĐOÀN KIỂM TRA**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN  
KHẢO NGHIỆM**

Số: .....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng ... năm ....

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO NGHIỆM DUS**

1. Số đơn .....
2. Tên loài tiếng Việt .....
3. Tên khoa học .....
4. Tên giống .....
5. Người đăng ký (Chủ sở hữu) (tên, địa chỉ, điện thoại, email) .....
6. Đại diện (nếu có) (tên, địa chỉ, điện thoại, email) .....
7. Tác giả giống cây trồng (tên, địa chỉ, điện thoại, email) (nếu khác mục 5) .....
8. Tổ chức/cá nhân thực hiện khảo nghiệm (tên, địa chỉ, điện thoại, email) .....
9. Địa điểm khảo nghiệm (địa chỉ cụ thể) .....
10. Thời gian khảo nghiệm .....
11. Quy trình khảo nghiệm .....
12. Kết quả khảo nghiệm
  - a) Đánh giá tính khác biệt
 

Khác biệt rõ ràng và chắc chắn

(bổ sung bảng biểu thể hiện sự khác biệt giữa giống đăng ký và giống tương tự)

Không khác biệt rõ ràng và chắc chắn

(bổ sung bảng biểu thể hiện sự không khác biệt giữa giống đăng ký và giống tương tự)
  - b) Đánh giá tính đồng nhất
 

Đồng nhất

Không đồng nhất
  - c) Đánh giá tính ổn định
 

Ổn định

Không ổn định

|  |  |
|--|--|
| Cán bộ khảo nghiệm<br>(Họ tên, chữ ký) |  |
| Người kiểm tra<br>(Họ tên, chữ ký)     |  |

**Tổ chức, cá nhân thực hiện khảo nghiệm**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**Nơi nhận:**

- Văn phòng BHGCT;
- Tổ chức, cá nhân có giống khảo nghiệm;
- Lưu:

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG<sup>124</sup>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../QĐ

Hà Nội, ngày... tháng... năm...

**QUYẾT ĐỊNH****Về việc cấp Bằng bảo hộ giống cây trồng**

.....

*Căn cứ.....**Căn cứ Điều..... Luật Sở hữu trí tuệ; Luật sửa đổi, bổ sung Luật Sở hữu trí tuệ;**Căn cứ báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ đăng ký bảo hộ giống cây trồng;**Theo đề nghị của .....***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Cấp Bằng bảo hộ giống cây trồng sau:

Tên loài (tên tiếng Việt và tên khoa học):

Tên giống:

Số đơn:

Số bằng:

Chủ sở hữu giống cây trồng, địa chỉ:

Tác giả giống cây trồng, địa chỉ:

**Điều 2.** Nghĩa vụ của chủ bằng bảo hộ, tác giả giống cây trồng**Điều 3.** Nghĩa vụ nộp phí duy trì hiệu lực bằng**Điều 4.** Quyết định này được công bố trên Tạp chí Nông nghiệp và Môi trường<sup>125</sup> và Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>126</sup>.**Cơ quan có thẩm quyền**  
(Ký tên, đóng dấu)**Nơi nhận:**

- Như trên;

- Lưu: VT, VPBH.

<sup>124</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>125</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>126</sup> Cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

**BẢNG BẢO HỘ GIỐNG CÂY TRỒNG**

|  |   |   |
|--|---|---|
| BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG<br>CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT          |  | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
| <b>BẢNG BẢO HỘ GIỐNG CÂY TRỒNG</b>   |   |   |
| SỐ BẢNG: .....   |   |   |
| TÊN GIỐNG CÂY TRỒNG: .....   |   |   |
| TÊN LOẠI CÂY TRỒNG: .....  |   |   |
| CHỦ SỞ HỮU BẢNG BẢO HỘ ĐẠI DIỆN THỰC HIỆN QUYỀN CỦA CHỦ SỞ HỮU BẢNG BẢO HỘ |   |   |
| TÁC GIẢ GIỐNG CÂY TRỒNG: .....   |   |   |
| HIỆU LỰC CỦA BẢNG BẢO HỘ: .....  |   |   |
| Hà Nội, ngày... tháng... năm.....  |   |   |
| Cấp mới <input type="checkbox"/> QĐ số:                                    |   |   |
| Cấp lại <input type="checkbox"/> QĐ số:                                    |   |   |

<sup>127</sup> Mẫu số 10 được thay thế bằng Mẫu số 31 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI YÊU CẦU SỬA ĐỔI, CẤP LẠI**  
**BẢNG BẢO HỘ GIỐNG CÂY TRỒNG**

Kính gửi<sup>1</sup>: .....

**1. Chủ Bảng bảo hộ giống cây trồng:**

Địa chỉ: .....

Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập (đối với các tổ chức khác) hoặc Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Số định danh cá nhân (trường hợp người đăng ký là cá nhân):

.....

Điện thoại: ..... E-mail: .....

**2. Đại diện (Trường hợp người đăng ký nộp đơn qua đại diện):**

Tên tổ chức/cá nhân: .....

Địa chỉ: .....

Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập (đối với các tổ chức khác) hoặc Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Số định danh cá nhân (trường hợp người đăng ký là cá nhân):

.....

Điện thoại: ..... E-mail: .....

**3. Thông tin Bảng bảo hộ giống cây trồng yêu cầu sửa đổi, cấp lại**

Tên giống:

Tên loài (tên tiếng Việt và tên khoa học):

Số bảng:

**4. Lý do sửa đổi, cấp lại:**

.....  
.....

**5. Thông tin cần thay đổi (nếu có):**

.....  
.....

**6. Cam kết**

(Tổ chức, cá nhân)..... cam đoan mọi thông tin trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*Khai tại: ... ngày ... tháng ... năm ...*

**Người đăng ký/Đại diện**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu nếu có)*

<sup>1</sup> Cơ quan quản lý nhà nước về bảo hộ giống cây trồng.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----  
**ĐƠN YÊU CẦU ĐÌNH CHỈ HIỆU LỰC**  
**BẰNG BẢO HỘ GIỐNG CÂY TRỒNG**

Kính gửi<sup>1</sup>: .....

**1. Người làm đơn:**

Tên tổ chức/cá nhân: .....

Địa chỉ: .....

Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập (đối với các tổ chức khác) hoặc Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Số định danh cá nhân (trường hợp người đăng ký là cá nhân):

.....

Điện thoại: ..... E-mail: .....

**2. Thông tin về Bằng bảo hộ giống cây trồng yêu cầu đình chỉ**

Tên giống:

Tên loài (tên tiếng Việt và tên khoa học):

Số bằng:

**3. Lý do yêu cầu đình chỉ hiệu lực Bằng bảo hộ giống cây trồng:**

**4. Cam kết**

(Tổ chức, cá nhân)..... cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*Khai tại: ... ngày ... tháng ... năm ...*

**Người làm đơn**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu nếu có)*

<sup>1</sup> Cơ quan quản lý nhà nước về bảo hộ giống cây trồng.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ PHỤC HỒI HIỆU LỰC**  
**BẰNG BẢO HỘ GIỐNG CÂY TRỒNG**

Kính gửi<sup>1</sup>: .....

**1. Chủ sở hữu Bằng bảo hộ:**

Tên tổ chức/cá nhân: .....

Địa chỉ: .....

Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập (đối với các tổ chức khác) hoặc Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Số định danh cá nhân (trường hợp người đăng ký là cá nhân):

.....

Điện thoại: ..... E-mail: .....

**2. Đại diện<sup>2</sup> (Trường hợp người đăng ký nộp đơn qua đại diện):**

Tên tổ chức/cá nhân: .....

Địa chỉ: .....

Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập (đối với các tổ chức khác) hoặc Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Số định danh cá nhân (trường hợp người đăng ký là cá nhân):

.....

Điện thoại: ..... E-mail: .....

**3. Thông tin về Bằng bảo hộ giống cây trồng bị đình chỉ**

Tên giống:

Tên loài (tên tiếng Việt và tên khoa học):

Số bằng:

**4. Lý do đề nghị phục hồi hiệu lực Bằng bảo hộ giống cây trồng:**

**5. Chứng cứ đã khắc phục lý do bị đình chỉ Bằng bảo hộ giống cây trồng**

**6. Cam kết**

(Tổ chức, cá nhân)..... cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*Khai tại: ... ngày ... tháng ... năm ...*

**Người đăng ký/Đại diện**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu nếu có)*

<sup>1</sup> Cơ quan quản lý nhà nước về bảo hộ giống cây trồng.

<sup>2</sup> Tổ chức dịch vụ đại diện quyền hoặc đại diện chủ sở hữu được ủy quyền trường hợp Đơn đăng ký có nhiều chủ sở hữu.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----  
**ĐƠN YÊU CẦU HỦY BỎ HIỆU LỰC**  
**BẰNG BẢO HỘ GIỐNG CÂY TRỒNG**

Kính gửi<sup>1</sup>: .....

**1. Người làm đơn:**

Tên tổ chức/cá nhân: .....

Địa chỉ: .....

Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập (đối với các tổ chức khác) hoặc Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Số định danh cá nhân (trường hợp người đăng ký là cá nhân):

.....

Điện thoại:..... E-mail: .....

**2. Thông tin về Bằng bảo hộ giống cây trồng yêu cầu hủy bỏ**

Tên giống:

Tên loài (tên tiếng Việt và tên khoa học):

Số bằng:

**3. Lý do yêu cầu hủy bỏ hiệu lực Bằng bảo hộ giống cây trồng:**

**4. Cam kết**

(Tổ chức, cá nhân)..... cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*Khai tại: ... ngày... tháng ... năm ...*

**Người làm đơn**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu nếu có)*

<sup>1</sup> Cơ quan quản lý nhà nước về bảo hộ giống cây trồng.

Mẫu số 15<sup>128</sup> (được bãi bỏ)

Mẫu số 16<sup>129</sup> (được bãi bỏ)

Mẫu số 17<sup>130</sup> (được bãi bỏ)

Mẫu số 18

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ CHUYỂN NHƯỢNG**  
**QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG**

Kính gửi<sup>1</sup>: .....

**1. Tổ chức, cá nhân đăng ký**

Địa chỉ: .....

Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập (đối với các tổ chức khác) hoặc Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Số định danh cá nhân (trường hợp người đăng ký là cá nhân):

.....

Điện thoại: ..... E-mail: .....

**2. Đại diện<sup>3</sup> (Trường hợp người đăng ký chuyển nhượng nộp đơn qua đại diện):**

Tên tổ chức/cá nhân: .....

Địa chỉ: .....

Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập (đối với các tổ chức khác) hoặc Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Số định danh cá nhân (trường hợp người đăng ký là cá nhân):

.....

Điện thoại: ..... E-mail: .....

**3. Thông tin bên chuyển nhượng**

Tên tổ chức/cá nhân: .....

Địa chỉ: .....

Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập (đối với các tổ chức khác) hoặc Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Số định danh cá nhân (trường hợp người đăng ký là cá nhân):

.....

Điện thoại: ..... E-mail: .....

**4. Thông tin bên nhận chuyển nhượng**

Tên tổ chức/cá nhân: .....

Địa chỉ: .....

Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập (đối với các tổ chức khác) hoặc Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Số định danh cá nhân (trường hợp người đăng ký là cá nhân):

.....

<sup>128</sup> Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>129</sup> Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

<sup>130</sup> Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

Điện thoại: ..... E-mail: .....

**5. Thông tin giống cây trồng được chuyển nhượng:**

Tên loài: .....

Tên giống: .....

Số Bằng: .....

Chủ sở hữu: .....

**6. Cam kết**

(Tổ chức, cá nhân)..... cam đoan mọi thông tin trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*Khai tại: ... ngày ... tháng... năm ...*  
**Tổ chức/Cá nhân đăng ký/Đại diện**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu nếu có)*

---

<sup>1</sup> Cơ quan quản lý nhà nước về bảo hộ giống cây trồng.

<sup>3</sup> Tổ chức dịch vụ đại diện quyền hoặc đại diện chủ sở hữu được ủy quyền trường hợp Đơn đăng ký có nhiều chủ sở hữu.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN YÊU CẦU BẮT BUỘC CHUYỂN GIAO**  
**QUYỀN SỬ DỤNG GIỐNG CÂY TRỒNG**

Kính gửi:..... (Tên cơ quan có thẩm quyền).

**1. Tổ chức/cá nhân yêu cầu**

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế hoặc Số CCCD/Hộ chiếu:.....

Địa chỉ: .....

Điện thoại:.....E-mail:.....

**2. Đại diện<sup>1</sup> (trường hợp nộp đơn qua đại diện)**

Tên tổ chức/cá nhân: .....

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế hoặc Số CCCD/Hộ chiếu:.....

Địa chỉ: .....

Điện thoại:.....E-mail:.....

**3. Chủ sở hữu Bằng bảo hộ hoặc người được chủ sở hữu chuyển giao độc quyền**

Tên tổ chức/cá nhân: .....

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế hoặc Số CCCD/Hộ chiếu:.....

Địa chỉ: .....

Điện thoại:.....E-mail:.....

**4. Thông tin giống cây trồng**

- Tên giống:

- Số đơn/bảng:

**5. Phạm vi và thời gian nhận chuyển giao**

- Phạm vi chuyển giao:

- Thời gian nhận chuyển giao:

**6. Cam kết**

(Tổ chức, cá nhân)..... cam đoan mọi thông tin trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày ... tháng ... năm ...

**TỔ CHỨC/CÁ NHÂN YÊU CẦU/ĐẠI DIỆN**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu/chữ ký số nếu có)

<sup>1</sup> Tổ chức dịch vụ đại diện quyền hoặc đại diện chủ sở hữu được ủy quyền trường hợp Đơn đăng ký có nhiều chủ sở hữu.

---

<sup>131</sup> Mẫu số 19 được thay thế bằng Mẫu số 32 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

**BÁO CÁO NĂNG LỰC TÀI CHÍNH**

Kính gửi:..... (Tên cơ quan có thẩm quyền).

**1. Tên tổ chức/cá nhân báo cáo**

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế hoặc Số CCCD/Hộ chiếu:.....

Địa chỉ: .....

Điện thoại:.....E-mail:.....

**2. Sơ bộ về năng lực**

- Nguồn vốn, trong đó số vốn dự kiến đầu tư để sản xuất, kinh doanh đối với giống cây trồng...
- Báo cáo tài chính 3 năm gần nhất.
- Bảo lãnh về năng lực tài chính (nếu có).
- Các tài liệu khác chứng minh năng lực tài chính.

**3. Các thông tin khác (nếu có)**

**4. Cam kết**

(Tổ chức, cá nhân).....cam kết có đủ năng lực tài chính để sản xuất, kinh doanh đối với giống cây trồng... và chịu trách nhiệm trước pháp luật với cam kết của mình.

....., ngày ... tháng ... năm ...

**TỔ CHỨC/CÁ NHÂN BÁO CÁO**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu/chữ ký số nếu có)

---

<sup>132</sup> Mẫu số 20 được thay thế bằng Mẫu số 33 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, ĐÌNH CHỈ HIỆU LỰC, HỦY BỎ HIỆU LỰC CỦA  
QUYẾT ĐỊNH CHUYỂN GIAO BẮT BUỘC QUYỀN SỬ DỤNG GIỐNG CÂY TRỒNG**

Kính gửi:..... (Tên cơ quan có thẩm quyền).

**1. Tổ chức, cá nhân đề nghị**

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế hoặc Số CCCD/Hộ chiếu:.....

Địa chỉ: .....

Điện thoại:.....E-mail:.....

**2. Chủ sở hữu Bằng bảo hộ hoặc người được chủ sở hữu chuyển giao độc quyền**

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế hoặc Số CCCD/Hộ chiếu:.....

Địa chỉ: .....

Điện thoại:.....E-mail:.....

**3. Thông tin về giống cây trồng**

- Tên giống: .....

- Số đơn/bảng: .....

**4. Nội dung đề nghị**

- Sửa đổi Quyết định chuyển giao

- Đình chỉ Quyết định chuyển giao

- Hủy bỏ Quyết định chuyển giao

**5. Cam kết**

(Tổ chức, cá nhân)..... cam đoan mọi thông tin trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày ... tháng ... năm ...

**TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu/chữ ký số nếu có)

---

<sup>133</sup> Mẫu số 21 được thay thế bằng Mẫu số 34 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG**

**1. Thời gian đào tạo:**

05 ngày trong đó có 02 ngày lý thuyết, 01 ngày thảo luận, 01 ngày thực hành, 01 ngày kiểm tra, tổng kết.

**2. Nội dung đào tạo**

- a) Pháp luật về quyền đối với giống cây trồng, gồm quy định pháp luật của Việt Nam và quy định của Điều ước quốc tế, thỏa thuận hợp tác mà Việt Nam tham gia là thành viên.
- b) Các quy định quản lý về giống cây trồng: Luật Trồng trọt và các văn bản hướng dẫn luật, xử lý vi phạm đối với giống cây trồng.
- c) Nội dung thủ tục xác lập quyền đối với giống cây trồng: thực hiện đăng ký bảo hộ, tra cứu, khai thác thông tin bảo hộ giống cây trồng...
- d) Các quy định về khảo nghiệm DUS: Tài liệu khảo nghiệm DUS, thực hiện khảo nghiệm DUS.

**3. Yêu cầu giảng viên:**

- a) Giảng viên dạy nội dung văn bản quy phạm pháp luật về bảo hộ giống cây trồng: Có trình độ đại học trở lên, có ít nhất 05 năm kinh nghiệm về bảo hộ giống cây trồng và nắm vững các quy định của pháp luật về bảo hộ giống cây trồng.
- b) Giảng viên dạy nội dung khảo nghiệm DUS: Có trình độ đại học trở lên, có ít nhất 05 năm kinh nghiệm trong việc thực hiện khảo nghiệm DUS và được cấp chứng chỉ/chứng nhận về khảo nghiệm DUS.

**4. Số lượng học viên trong lớp:**

Không quá 40 người.

**MẪU CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO PHÁP LUẬT  
VỀ QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
-----

**Ảnh**

**CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO PHÁP LUẬT VỀ  
QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG**

Số: ...../

Họ và tên: .....

Địa chỉ thường trú: .....

Số định danh cá nhân/CCCD/: .....

Do Công an..... cấp ngày.....

**Chữ ký  
của người được cấp**

**CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ KIỂM TRA NGHIỆP VỤ**  
**ĐẠI DIỆN QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG**

Kính gửi: ..... (Tên cơ quan có thẩm quyền).

1. Họ và tên: .....
  2. Ngày, tháng, năm sinh: .....
  3. Quốc tịch: .....
  4. Số Hộ chiếu/CCCD: .....
  - Ngày cấp: ..... Nơi cấp .....
  5. Địa chỉ thường trú: .....
  6. Số điện thoại: .....
  7. Địa chỉ ..... Email: .....
  8. Đơn vị công tác (Tên tổ chức, địa chỉ trụ sở): .....
  9. Trình độ chuyên môn (ghi rõ chuyên ngành, hệ đào tạo): .....
  10. Giấy chứng nhận đào tạo đại diện quyền đối với giống cây trồng đã được cấp (nếu có):  
Số: ..... Ngày cấp ..... Nơi cấp: .....
  11. Thời gian trực tiếp làm công tác pháp luật về quyền đối với giống cây trồng hoặc thẩm định đơn đăng ký quyền đối với giống cây trồng. ....
- Cơ quan, đơn vị đã công tác: .....

**Tôi làm đơn này xin đăng ký tham gia kiểm tra nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng do cơ quan tổ chức.**

Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các nội dung kê khai nêu trên.

..., ngày ... tháng... năm ...

**Người nộp đơn**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

---

<sup>134</sup> Mẫu số 24 được thay thế bằng Mẫu số 35 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM TRA NGHIỆP VỤ  
ĐẠI DIỆN QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG**

|   |  |  |                              |
|---|--|--|------------------------------|
| <p><b>CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b><br/><b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b></p> |  |  |                              |
| <b>Ảnh</b>  | <p><b>GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM TRA NGHIỆP VỤ<br/>ĐẠI DIỆN QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG</b></p>  |  |                              |
|   | <p>Số: ...../</p>  |  |                              |
|   | <p>Họ và tên: .....</p>  |  |                              |
|   | <p>Địa chỉ thường trú: .....</p>   |  |                              |
|   | <p>Số Hộ chiếu/CCCD: .....</p>   |  |                              |
|   | <p>Do..... cấp ngày.....</p>   |  |                              |
|   | <table border="1" style="width: 100%; height: 20px;"> <tr> <td style="width: 50%;"></td> <td align="center"><b>CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN</b></td> </tr> </table> |  | <b>CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN</b> |
|   | <b>CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN</b>   |  |                              |

<sup>135</sup> Mẫu số 25 được thay thế bằng Mẫu số 36 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

**ĐƠN YÊU CẦU CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ DỊCH VỤ**  
**ĐẠI DIỆN QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG**

Kính gửi:..... (Tên cơ quan có thẩm quyền)

1. Họ và tên: .....
2. Ngày, tháng, năm sinh: .....
3. Quốc tịch: .....
4. Số Hộ chiếu/CCCD: .....
- Ngày cấp: ..... Nơi cấp .....
5. Địa chỉ thường trú: .....
6. Số điện thoại: ..... Địa chỉ ..... Email: .....
7. Đơn vị công tác (Tên tổ chức, địa chỉ trụ sở): .....
8. Trình độ chuyên môn (ghi rõ chuyên ngành, hệ đào tạo): .....
9. Đã đạt yêu cầu tại kỳ kiểm tra về nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng ngày..... tháng..... năm..... do..... tổ chức.

**Tôi làm đơn này đề nghị được cấp chứng chỉ hành nghề đại diện quyền đối với giống cây trồng.**

Tôi xin chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung kê khai nêu trên.

..., ngày ... tháng ... năm ...

**Người nộp đơn**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

---

<sup>136</sup> Mẫu số 26 được thay thế bằng Mẫu số 37 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

**MẪU CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ DỊCH VỤ  
ĐẠI DIỆN QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG**

|   |   |  |                              |
|---|---|--|------------------------------|
| <b>TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN</b>  | <b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b><br><b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b>     |  |                              |
| ....., ngày ... tháng ... năm...  |   |  |                              |
| <b>Ảnh</b>  | <b>CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ</b><br><b>DỊCH VỤ ĐẠI DIỆN QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG</b> |  |                              |
| <b>Mã số: ...../DVĐD</b>  |   |  |                              |
| Họ và tên: .....  |   |  |                              |
| Năm sinh: .....   |   |  |                              |
| Địa chỉ thường trú: .....   |   |  |                              |
| Số Hộ chiếu/CCCD: ..... nơi cấp..... ngày cấp.....  |   |  |                              |
| <table border="1" style="width: 100%; margin-top: 20px;"> <tr> <td style="width: 40%;"></td> <td style="width: 60%; text-align: center;"><b>CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN</b></td> </tr> </table> |   |  | <b>CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN</b> |
|   | <b>CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN</b>  |  |                              |

<sup>137</sup> Mẫu số 27 được thay thế bằng Mẫu số 38 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

**ĐƠN YÊU CẦU CẤP LẠI CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ DỊCH VỤ**  
**ĐẠI DIỆN QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG**

Kính gửi:..... (Tên cơ quan có thẩm quyền).

1. Họ và tên: .....
2. Ngày, tháng, năm sinh: .....
3. Quốc tịch: .....
4. Số Hộ chiếu/CCCD: .....
- Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....
5. Địa chỉ thường trú: .....
6. Số điện thoại: ..... Địa chỉ: ..... Email: .....
7. Đơn vị công tác (Tên tổ chức, địa chỉ trụ sở): .....
8. Trình độ chuyên môn (ghi rõ chuyên ngành, hệ đào tạo): .....
9. Đã đạt yêu cầu tại kỳ kiểm tra về nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng ngày..... tháng..... năm..... do..... tổ chức.
10. Lý do yêu cầu cấp lại:.....

**Tôi làm đơn này đề nghị được cấp lại chứng chỉ hành nghề đại diện quyền đối với giống cây trồng.**

Tôi xin chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung kê khai nêu trên.

....., ngày ... tháng ... năm ...

**Người nộp đơn**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

---

<sup>138</sup> Mẫu số 28 được thay thế bằng Mẫu số 39 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

**ĐƠN YÊU CẦU GHI NHẬN/GHI NHẬN LẠI TỔ CHỨC DỊCH VỤ  
ĐẠI DIỆN QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG**

Kính gửi:..... (Tên cơ quan có thẩm quyền).

**1. Tên tổ chức:**

Địa chỉ: .....

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:.....

Điện thoại:.....E-mail:.....

**2. Nội dung yêu cầu:**

- Ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện quyền
- Ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền

Lý do: .....

**3. Danh sách thành viên được ghi nhận đủ điều kiện hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng.**

Lập danh sách thành viên với các thông tin như sau:

- Họ và tên: .....

- Ngày tháng năm sinh:.....Giới tính:.....

- Địa chỉ: .....

- Số chứng chỉ: ..... Ngày cấp:.....

**4. Cam kết**

(Tổ chức)..... cam đoan mọi thông tin trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

..... ngày ..... tháng ..... năm .....

**TỔ CHỨC YÊU CẦU**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu/chữ ký số nếu có)

---

<sup>139</sup> Mẫu số 29 được thay thế bằng Mẫu số 40 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.

Mẫu số 41<sup>140</sup>

**TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN**      **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:            /TB-.....

....., ngày ... tháng ... năm...

**THÔNG BÁO**

**Ghi nhận/ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng**

Kính gửi: .....(Tên tổ chức ghi nhận/ghi nhận lại dịch vụ đại diện quyền).

*Căn cứ Quyết định số ..... /QĐ-... ngày ... tháng ... năm ... của ..... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của ..... (Tên cơ quan có thẩm quyền);*

*Căn cứ đề nghị của tổ chức, cá nhân tại văn bản số ... ngày ... tháng ... năm ...;*

*Xét đề nghị của.....(1).*

Cơ quan có thẩm quyền:

1. Ghi nhận/ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng sau:

- Tên tổ chức: .....

- Địa chỉ: .....

- Mã số doanh nghiệp/ Mã số thuế: .....

2. Tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng có trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định tại Luật Sở hữu trí tuệ và các văn bản hướng dẫn Luật.

3. Thông báo này được công bố trên Cổng thông tin điện tử của Cơ quan có thẩm quyền.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;
- ...;
- Lưu: VT,....

**LÃNH ĐẠO CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN**

*(Ký tên, đóng dấu chữ ký số)*

---

(1) Lãnh đạo đơn vị thuộc cơ quan có thẩm quyền được giao nhiệm vụ thẩm định hồ sơ Ghi nhận/ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng.

---

<sup>140</sup> Mẫu số 29 được thay thế bằng Mẫu số 40 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2026.